

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ Hào, TỈNH HƯNG YÊN

MỸ HÀO - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ HÀO, TỈNH HƯNG YÊN

Ngày....tháng....năm

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HƯNG YÊN

Ngày....tháng....năm

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ HÀO

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG	vi
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Đặt vấn đề	1
2. Mục tiêu và yêu cầu của dự án	2
2.1. Mục tiêu dự án	2
2.2. Yêu cầu dự án	3
3. Sản phẩm của dự án	3
4. Bố cục của báo cáo	3
Phần I SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG	
ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ HẠO, TỈNH HƯNG	
YÊN	4
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	
ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ HẠO	4
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ -	
XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN	
ĐỊA BÀN HUYỆN MỸ HẠO	5
2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và	
thực trạng môi trường	5
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	5
2.1.2. Điều kiện tự nhiên	5
2.1.2. Các nguồn tài nguyên	8
2.1.3. Cảnh quan môi trường	10
2.1.4. Biến đổi khí hậu	13
2.1.5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và cảnh quan	
môi trường	13
2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội huyện Mỹ	
Hào	14
2.2.1. Tăng trưởng kinh tế chung	14

2.2.2.	Tình hình phát triển của các ngành kinh tế.....	15
2.2.3.	Dân số, lao động, việc làm.....	16
2.2.4.	Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn	18
2.2.5.	Thực trạng hệ thống cơ sở hạ tầng.....	19
2.3.	Phân tích, đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất	23
III.	PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH.....	26
3.1.	Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai.....	26
3.1.1.	Việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất.....	26
3.1.2.	Công tác xác lập, quản lý địa giới hành chính.....	27
3.1.3.	Khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất.....	27
3.1.4.	Công tác quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất.....	28
3.1.5.	Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.....	28
3.1.6.	Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.....	29
3.1.7.	Công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.....	29
3.1.8.	Công tác thống kê, kiểm kê đất đai.....	29
3.1.9.	Xây dựng hệ thống thông tin đất đai.....	30
3.2.	Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất	32
3.2.1.	Phân tích hiện trạng sử dụng các loại đất	32
IV.	PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	38
4.1.	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	38

4.1.1.	Đất nông nghiệp.....	38
4.1.2.	Đất phi nông nghiệp.....	40
4.1.3.	Đất chưa sử dụng	46
4.2.	Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	46
4.2.1.	Những kết quả đạt được.....	46
4.2.2.	Những tồn tại	47
4.2.3.	Nguyên nhân của những tồn tại	47
4.3.	Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch	48
Phần II PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT		
ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ Hào, TỈNH HUNG YÊN.....		50
I.	ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ Hào, TỈNH HUNG YÊN.....	50
1.1.	Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của huyện Mỹ Hào.....	50
1.2.	Quan điểm sử dụng đất.....	51
1.2.1.	Khai thác khoa học, hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững, có hiệu quả quỹ đất đai	51
1.2.2.	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phù hợp.....	51
1.2.3.	Duy trì bảo vệ đất nông nghiệp.....	52
1.2.4.	Dành quỹ đất cho phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và đô thị.....	52
1.2.5.	Khai thác sử dụng đất phải đảm bảo tính bền vững gắn liền với việc bảo vệ môi trường	52
1.3.	Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.....	53
1.3.1.	Định hướng sử dụng đất khu vực phục vụ sản xuất nông nghiệp	53
1.3.2.	Định hướng sử dụng đất khu vực phục vụ cho việc phát triển công nghiệp, mở rộng đô thị, xây dựng khu dân cư nông thôn	54
1.3.3.	Định hướng khu vực phát triển thương mại, dịch vụ.....	55
II.	PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	55

2.1.	Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	55
2.2.	Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng	56
2.2.1.	Chỉ tiêu sử dụng đất	56
2.2.2.	Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	59
2.2.3.	Tổng hợp cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất(2020).....	62
2.3.	Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng, phân tích theo danh mục	71
2.3.1.	Khu vực sản xuất nông nghiệp.....	71
2.3.4.	Khu vực phát triển thương mại, dịch vụ	72
2.3.5.	Khu vực phục vụ phát triển khu, cụm công nghiệp.....	72
III.	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	72
3.1.	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	72
3.2.	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.....	73
3.3.	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng đảm bảo an ninh lương thực	75
3.3.	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng	75
3.4.	Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên	75
	PHẦN III GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ Hào, TỈNH HƯNG YÊN.....	76
3.1.	Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	76
3.1.1.	Tăng cường các biện pháp kỹ thuật canh tác theo hướng đầu tư chiều sâu gắn với bảo vệ môi trường sinh thái	76

3.1.2.	Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông	76
3.1.3.	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ.....	77
3.1.4.	Giám sát và đánh giá môi trường.....	77
3.2.	Giải pháp về cơ chế chính sách	78
3.2.1.	Chính sách về đất đai	78
3.2.2.	Những chính sách nhằm bảo vệ và phát triển quỹ đất nông nghiệp...	78
3.2.3.	Chính sách sử dụng hợp lý các loại đất mang tính chất đặc thù.....	79
3.2.4.	Chính sách về ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ và duy trì cải thiện môi trường trong việc khai thác sử dụng đất đai.....	79
3.2.5.	Chính sách ưu đãi.....	79
3.2.6.	Chính sách tạo nguồn vốn từ đất để đầu tư trở lại	80
3.3.	Tăng cường cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp nông thôn	80
3.4.	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	81
3.5.	Giải pháp tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mỹ Hòa	82
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ		84
I.	KẾT LUẬN	84
II.	KIẾN NGHỊ.....	85

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.	Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2015 huyện Mỹ Hào.....	33
Bảng 2.	Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2015 huyện Mỹ Hòa	36
Bảng 3.	Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp đến thời điều chỉnh quy hoạch.....	39
Bảng 4.	Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đến thời điều chỉnh quy hoạch.....	41
Bảng 5.	Phân khai chỉ tiêu sử dụng đất của huyện Mỹ Hòa	58

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Đặt vấn đề

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định “Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch và pháp luật, bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả”. Quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được thể hiện trong chương IV với 16 Điều của Luật Đất đai năm 2013. Những quy định nêu trên trong Luật Đất đai năm 2013 đã khẳng định được vai trò, vị trí của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực sử dụng hợp lý, hiệu quả, tránh được sự chồng chéo; khắc phục được những khó khăn, bất cập trong việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Đây chính là căn cứ để văn bản dưới Luật quy định chi tiết trách nhiệm của UBND các cấp trong việc rà soát quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Các văn bản khác cũng quy định chi tiết kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, thị: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 2 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Huyện Mỹ Hào gồm 12 xã và 01 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên 7.936,12 ha. Trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội thời gian qua cũng như dự kiến phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp đặc biệt là quỹ đất dành cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, khu, cụm công nghiệp, đô thị... sẽ tăng mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện. Trong năm 2015, hầu hết các công trình trên địa bàn huyện đã thực hiện theo đúng quy hoạch được phê duyệt. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạng mục sử dụng đất chưa được thực hiện nhưng vẫn phù hợp với thực tế của địa phương.

Ngoài ra, yêu cầu sử dụng đất để đáp ứng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện cũng rất lớn. Chính vì thế, việc quy hoạch sử dụng đất sử dụng đất năm 2016 là một trong những vấn đề cấp thiết nhằm đáp ứng kịp thời về yêu cầu quản lý, sử dụng đất một cách hợp lý, khoa học, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo sự bền vững về môi trường sinh thái cũng như đảm bảo thực hiện đúng chính sách Pháp luật của Nhà nước về đất đai.

Nhận rõ tầm quan trọng của công tác lập kế hoạch sử dụng đất đối với việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, thống nhất, hài hòa giữa các lĩnh vực, được sự chỉ đạo của UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mỹ Hào tiến hành lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất năm 2020. Đây sẽ là căn cứ mang tính pháp lý và khoa học làm cơ sở sử dụng đất, phân bổ hợp lý quỹ đất, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao và bền vững đất đai, thiết lập các hành lang pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất... phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu và yêu cầu của dự án

2.1. Mục tiêu dự án

- Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của huyện Mỹ Hào nói chung và của các xã, thị trấn nói riêng trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Tạo ra công cụ hữu hiệu giúp các cấp chính quyền (huyện, thị trấn, xã) tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

- Đánh giá toàn diện hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai của giai đoạn 2011-2017. Rà soát kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 2011-2017; các chỉ tiêu cần phải điều chỉnh, bổ sung từ nay đến năm 2020.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020: đánh giá tổng quát về nguồn tài nguyên đất đai hiện có; điều chỉnh, bổ sung, xây dựng, lựa chọn phương án sử dụng đất hiệu quả, bền vững làm cơ sở pháp lý cho việc chuyển

đổi mục đích sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ tốt nhất mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

2.2. Yêu cầu dự án

- Điều chỉnh Quy hoạch phải được xây dựng nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Mỹ Hào và tỉnh Hưng Yên, trên cơ sở phù hợp với các quy hoạch của tỉnh (Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Hưng Yên; Các Quy hoạch ngành tỉnh Hưng Yên...)

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Mỹ Hào làm cơ sở cho việc lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông, thủy lợi và các quy hoạch khác trên địa bàn huyện. Trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện được duyệt, các xã, Thị trấn phải triển khai các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cơ sở mình cùng kỳ.

3. Sản phẩm của dự án

- Báo cáo tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2015;

- Bản đồ điều chỉnh kế hoạch 2018;

- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên đến năm 2020.

4. Bố cục của báo cáo

Phần I: Sự cần thiết của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Phần II: Phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Phần III: Giải pháp thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Phần I

SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ HÀO, TỈNH HƯNG YÊN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ HÀO

Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 về thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư số 29/2014/TT – BTNMT ngày 2/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư số 09/2015/TT-BTNMT ngày 23/3/2013 của Bộ Tài nguyên Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 5/12/2014 của Chính phủ về việc xét duyệt Quy hoạch sử dụng đất vào mục đích an ninh đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất vào mục đích an ninh 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của Bộ Công an;

Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 5/12/2014 của Chính phủ về việc xét duyệt Quy hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất vào mục đích quốc phòng 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của Bộ Quốc phòng;

Công văn số 187/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 21/01/2015 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường v/v điều chỉnh quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất;
Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 08/12/2014 của UBND tỉnh Hưng Yên về giá các loại đất năm 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
Nghị quyết của Chính phủ Về Điều chỉnh Quy hoạch Sử dụng Đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 - 2015) tỉnh Hưng Yên;
Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;
Các quy hoạch ngành có liên quan;
Các Nghị quyết, Báo cáo của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, UBND huyện Mỹ Hào, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020;
Hiện trạng sử dụng đất năm 2010, 2015, 2017 của huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 của huyện và các xã;
Niên giám thống kê năm 2010, 2015, 2017 của huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MỸ HÀO

2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

2.1.2. Điều kiện tự nhiên

Mỹ Hào là một trong 10 huyện, thị của tỉnh Hưng Yên, nằm trên trục đường quốc lộ 5A. Toàn huyện có 12 xã và 1 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên là 79,36 km².

Tọa độ địa lý nằm trong khoảng 20°53' đến 20°58' vĩ độ Bắc từ 106°02' đến 106°10' kinh độ Đông.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp huyện Văn Lâm

Phía Nam giáp huyện Ân Thi

Phía Đông giáp tỉnh Hải Dương

Phía Tây giáp huyện Yên Mỹ

Trên địa bàn huyện có hệ thống đường giao thông nối với các tỉnh phía Bắc, đặc biệt là với Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng và Quảng Ninh thuận lợi cho giao lưu hàng hoá và đi lại.

2.1.1.2. Địa hình

Là huyện thuộc vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, đất đai tương đối bằng phẳng, chủ yếu bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi, kênh mương và đường giao thông. Độ dốc tương đối của địa hình trên địa bàn huyện theo hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam, độ cao trung bình +1,6 m đến +4 m.

Độ cao từ +2,5 m đến +4 m tập trung về phía Đông Bắc thuộc khu vực thị trấn Bần Yên Nhân, xã Nhân Hoà, Cẩm Xá, Phan Đình Phùng.

Vùng thấp nhất có độ cao từ +1,6 m đến +2 m thuộc phía Đông Nam gồm có xã Hưng Long, Xuân Dục và một phần xã Phùng Chí Kiên, Hoà Phong.

Ngoài ra địa hình của huyện Mỹ Hào còn bị ảnh hưởng chia cắt bởi sông Trung thủy nông (sông Bần Vũ Xá, Trần Thành Ngọ) và chi nhánh sông Bắc Hưng Hải chạy qua Ngọc Lâm, Hưng Long, các diện tích mặt nước xen kẽ đều làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất nông nghiệp tại các địa phương này.

Nhìn chung địa hình tương đối đa dạng như vậy là điều kiện thuận lợi để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để đạt giá trị kinh tế cao trên mỗi đơn vị diện tích. Địa hình Mỹ Hào cần phải tính đến các phương án tổ chức lãnh thổ hợp lý để có sự phát triển đạt nhịp độ cao

2.1.1.3. Khí hậu

Huyện Mỹ Hào nói riêng và tỉnh Hưng Yên nói chung đều nằm trong vùng đồng bằng Bắc Bộ và chịu ảnh hưởng của vùng khí hậu nhiệt đới gió

mùa, thời tiết trong năm được phân làm 2 mùa rõ rệt:

Mùa hè: Nóng ẩm, mưa nhiều được kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10.

Mùa đông: Lạnh, khô hanh thường kéo dài từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau.

Theo số liệu điều tra của trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Hưng Yên, các yếu tố khí hậu được thể hiện:

* Nhiệt độ: Hàng năm có nhiệt độ trung bình là $24,1^{\circ}\text{C}$. Tổng tích ôn hàng năm là 8.503°C .

* Năng: Tổng số giờ nắng trung bình năm là 1.323 giờ, số ngày nắng trong tháng là 24 ngày.

* Mưa: Lượng mưa tập trung và phân bố theo mùa, mùa hè thường có mưa to, bão lớn, gây úng lụt, làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân trên địa bàn huyện, mùa đông thời tiết hanh khô kéo dài, lượng mưa ít, nước ở các ao, hồ cạn, không đủ để phục vụ sản xuất nông nghiệp, nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt cũng bị hạn chế.

* Gió bão: Mỹ Hào chịu ảnh hưởng của 2 hướng gió chính: gió Đông Bắc thổi vào mùa đông và gió Đông Nam thổi vào mùa hè. Vào các tháng 6, tháng 7 có xuất hiện đợt gió khô nóng; mùa đông từ tháng 12 đến tháng 2 có những đợt rét đậm kéo dài. Hàng năm Mỹ Hào còn bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của 3 đến 4 trận bão với sức gió và lượng mưa lớn gây thiệt hại cho sản xuất, tài sản, làm ảnh hưởng đến đời sống dân cư trong huyện.

* Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình năm là 87,58%.

Như vậy, Mỹ Hào có khí hậu đặc trưng là nóng, ẩm, mưa nhiều vào mùa hè; lạnh, khô, hanh vào mùa đông. Khí hậu này thích hợp với nhiều loại cây trồng, tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp phát triển đa dạng và phong phú về sản phẩm. Tuy nhiên huyện cũng cần có các biện pháp để phòng chống lụt bão, cũng như hạn hán làm ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng, có vậy sản xuất nông nghiệp mới đạt được hiệu quả cao.

2.1.1.4. Thủy văn

Thủy văn của huyện Mỹ Hào chịu ảnh hưởng và phụ thuộc vào chế độ thủy văn, lưu lượng dòng chảy thượng nguồn của sông Bàn Vũ Xá (15 km) và kênh Trần Thành Ngọ (chạy dọc từ Bắc xuống Nam với chiều dài 7,25 km). Với hệ thống sông như trên đã tạo cho huyện một nguồn cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, đồng thời bồi đắp phù sa hàng năm.

Ngoài ra, huyện còn có hệ thống hồ đập lớn nhỏ, đảm bảo việc tưới tiêu cho diện tích đất canh tác, sản xuất nông nghiệp của huyện, điều tiết nguồn nước và nuôi trồng thủy sản với năng suất cao.

2.1.2. Các nguồn tài nguyên

2.1.2.1. Tài nguyên đất

Theo số liệu đất đai đến hết ngày 31/12/2015. Tổng quỹ đất tự nhiên của Mỹ Hào là 7.936,12 ha, đã khai thác đưa vào sử dụng 7.934,53 ha (chiếm 99,98% quỹ đất của huyện). Đất chưa sử dụng còn lại 1,59 ha (chiếm 0,02% quỹ đất của huyện). Đất đai của Mỹ Hào chủ yếu được phát triển trên nền phù sa không được bồi hàng năm của hệ thống sông Hồng và nhóm đất phù sa sông Thái Bình không được bồi hàng năm.

* Nhóm đất phù sa sông Hồng không được bồi hàng năm: Loại đất này có màu nâu tươi, trung tính, ít chua, thành phần cơ giới thịt nhẹ đến thịt trung bình với tổng diện tích 278,99 ha, chiếm 5,85% so với diện tích đất canh tác (phân bố ở xã Nhân Hoà, Phan Đình Phùng, TT. Bàn Yên Nhân). Nhìn chung loại đất này phù hợp với nhiều loại cây trồng cho năng suất cao, ổn định.

* Nhóm đất phù sa sông Thái Bình không được bồi đắp hàng năm: Tổng diện tích 4.486,19 ha, chiếm 94,15% so với diện tích đất canh tác. Loại đất này phân bố ở hầu hết các xã trong huyện, đặc điểm của loại đất này có màu nâu nhạt, độ dày tầng canh tác mỏng. Thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng.

2.1.2.2. Tài nguyên nước

Nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt ở huyện Mỹ Hào được lấy từ 2 nguồn nước mặt và nước ngầm.

* Nước mặt: Chủ yếu dựa vào nguồn nước mưa, được trữ trong các hồ ao, kênh mương, mặt ruộng... Ngoài ra, còn có nước sông được điều tiết qua hệ thống thủy nông Bắc Hưng Hải, từ sông lớn như: Sông Bần Vũ Xá, Trần Thành Ngọ qua các trạm bơm, kênh mương nội đồng cung cấp nước cho đồng ruộng.

* Nước ngầm: Theo đánh giá của Cục Địa chất khí tượng thủy văn và kiểm nghiệm ở một số giếng khoan, nguồn nước ngầm của Mỹ Hào khá dồi dào. Về mùa khô nước ngầm có ở độ sâu 6 - 8 m, mùa mưa nước ngầm có ở độ sâu chỉ 2 - 3 m. Nước chưa bị ô nhiễm, nhưng hàm lượng sắt trong nước cao, cần được xử lý trước khi sử dụng cho sinh hoạt và sản xuất.

Hiện tại, ở huyện Mỹ Hào đã có nhà máy nước sạch cung cấp cho khu vực TT. Bần Yên Nhân là chính, nước dùng cho sinh hoạt của đa số nhân dân được lấy từ nước giếng khoan. Với nhu cầu như hiện nay nước mặt và nước ngầm đủ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của nhân dân và một phần trong sản xuất công nghiệp, tuy vậy cần phải được quan tâm xử lý nước sinh hoạt cho nhân dân.

Trong tương lai để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, Mỹ Hào cần sớm có biện pháp khai thác và xử lý tốt nguồn nước ngầm và nước mặt trên địa bàn huyện, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong huyện.

2.1.2.3. Tài nguyên văn hóa – nhân văn

Huyện Mỹ Hào nói riêng và Tỉnh Hưng Yên nói chung là mảnh đất ngàn năm văn hiến, giàu bản sắc dân tộc. Hiện nay, trên địa bàn huyện có nhiều di tích lịch sử văn hoá, trong đó có một số di tích lịch sử đã được xếp hạng; nhiều di tích lịch sử văn hoá quý giá gắn liền với lịch sử dựng nước

và giữ nước. Là huyện có truyền thống văn hoá dân tộc lâu đời hiện vẫn đang lưu truyền lại nhiều hoạt động lễ hội truyền thống và nhiều thể loại văn hoá dân gian.

Để khai thác và phát huy tốt các loại hình hoạt động văn hoá, tinh thần truyền thống của dân tộc, hàng năm các xã đều tổ chức các lễ hội văn hoá truyền thống nhằm giáo dục người dân truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” và phát huy các hoạt động văn hóa tinh thần lành mạnh

2.1.3. Cảnh quan môi trường

Mỹ Hào là một huyện đang phát triển sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các ngành kinh tế - xã hội phát triển mạnh, các trung tâm kinh tế - xã hội, các đô thị, thị trấn, thị tứ đã và đang được hình thành phát triển nên mức độ ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất đai cần được các cấp, các ngành có liên quan quan tâm.

**** Môi trường đô thị các khu công nghiệp***

Kết quả đo đạc, phân tích, đánh giá chất lượng không khí tại một số địa điểm cho thấy: Bụi lơ lửng trong không khí hầu hết đạt TCVN 5937 – 1995. Tuy nhiên, tại các vị trí gần đường Quốc lộ 5, các khu công nghiệp có hàm lượng lớn hơn tiêu chuẩn cho phép. Tình trạng ô nhiễm bụi lơ lửng các đô thị, các khu công nghiệp ở mức độ nhẹ có thể chấp nhận được, nhưng xu thế ngày càng tăng do các hoạt động giao thông, phát triển công nghiệp ngày càng lớn.

Tình hình ô nhiễm trong giao thông đô thị: Phương tiện tham gia giao thông đã tăng một cách đáng kể, trong đó nhiều phương tiện giao thông vận tải đã quá cũ vẫn còn sử dụng, lưu hành. Các tuyến đường nhỏ vẫn ở trong tình trạng xuống cấp lạc hậu, các hộ dân xây dựng đê vật liệu bừa bãi, phương tiện giao thông khi vận chuyển vật liệu xây dựng, nhất là đất cát không che chắn tốt là nguyên nhân nhiều tuyến đường có hàm lượng bụi vẫn vượt tiêu chuẩn cho phép.

Nhiên liệu sử dụng trong sinh hoạt ở các đô thị: Các hộ dân tại các đô

thị chủ yếu sử dụng điện, gas, than, dầu làm chất đốt kết hợp nhiều loại nhiên liệu. Các hộ ven thị xã, thị trấn còn sản xuất nông nghiệp nên phần lớn sử dụng rơm rạ, củi đay làm chất đốt sinh hoạt.

Diễn biến chất lượng môi trường bên trong và bên ngoài các cơ sở công nghiệp: Dựa vào các số liệu đo đạc, phân tích, các số liệu đánh giá tác động môi trường, số liệu kiểm soát ô nhiễm môi trường của các cơ sở đã được phê chuẩn, số liệu về môi trường cho thấy chất lượng nước xung quanh các cơ sở công nghiệp tương đối tốt, ô nhiễm trong phạm vi hẹp. Tuy nhiên vào mùa nước cạn, nước thải được thải phần lớn ra ruộng nội đồng mà chưa được xử lý. Đây là vấn đề nguy hiểm cho việc tưới nước cho sản xuất nông nghiệp.

Hiện nay có 04 khu công nghiệp có một phần diện tích đất nằm trên địa phận huyện Mỹ Hào gồm: Khu công nghiệp Phố Nối A, dệt may Phố Nối, khu công nghiệp Thăng Long II và khu công nghiệp Minh Đức. Trong đó có 03 khu công nghiệp: Phố Nối A, dệt may Phố Nối, Thăng Long II đã đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và đưa vào vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp theo quy định. Chất lượng nước thải của khu công nghiệp sau khi qua nhà máy xử lý nước thải tập trung cơ bản đều đạt Quy chuẩn cho phép hiện hành. Riêng khu công nghiệp Minh Đức do chưa được bàn giao đất, nên chủ đầu tư chưa tiến hành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp theo quy hoạch.

*** *Môi trường nông thôn***

- Môi trường các cơ sở tiểu thủ công nghiệp - làng nghề: Với quy mô các làng nghề đều nhỏ, sản xuất theo hộ kinh doanh gia đình, cá thể, thiết bị công nghệ hầu hết rất lạc hậu, manh mún, chắp vá, sản xuất mang nặng tính chất tự phát.

Làng nghề tái chế nhựa Dị Sử có 150 hộ làm nghề và 750 người thực hiện công việc. Hàng năm sản xuất khoảng 2.400 tấn hạt nhựa. Sản phẩm của làng nghề gồm: Tấm nhựa, hạt nhựa, túi bao gói hàng các loại.

Ở công đoạn phân loại: do phế liệu từ nhiều nguồn khác nhau, có thể đựng lương thực, thực phẩm, thuốc tân dược, mỹ phẩm, xà phòng, thuốc bảo vệ thực vật, hoá chất làm ô nhiễm không khí và nguồn chất thải rắn. Hầu hết nước thải đều thải ra ao, ruộng, hệ thống tưới tiêu. Hiện nay, phần lớn các ao hồ ở trong làng đều bị san lấp để xây dựng nhà ở, vì vậy nước thải ứ đọng trong làng gây ô nhiễm môi trường. Công đoạn này ngoài tác động gây ô nhiễm môi trường nước, còn gây ô nhiễm bởi tiếng ồn, bụi của các máy cắt, xay nhựa.

Tại công đoạn ép đùn, tạo hạt, thổi nhựa: nhựa được làm nóng thành bột nhão rồi được kéo thành sợi, cắt thành hạt hoặc được thổi thành ống. Tại công đoạn này gây ô nhiễm môi trường không khí rất nghiêm trọng: Các chất hữu cơ bay hơi, cacbon monoxit (CO), khí clo (Cl₂) và các khí độc hại khác.

- Tình trạng sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp: Để đạt được mục tiêu tăng năng suất cây trồng, vật nuôi phải áp dụng kỹ thuật tiên tiến, thâm canh tăng vụ, gắn liền với việc tăng cường sử dụng hoá chất, thuốc trừ sâu bệnh, diệt cỏ, diệt chuột, chất kích thích tăng trưởng. Tất cả các biện pháp này ít nhiều đều tác động đến môi trường.

- Những năm gần đây, phong trào xây dựng làng văn hoá phát triển ngày càng mạnh mẽ. Một trong những tiêu chuẩn làng văn hoá là có hệ thống bê tông hoá đường làng, ngõ xóm, gắn chặt với hệ thống thoát nước, có phong trào vệ sinh thôn xóm. Nhiều gia đình có hệ thống xử lý nước, nhà vệ sinh tự hoại, hệ thống chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh kèm theo hầm xử lý Biogas góp phần bảo vệ môi trường nông thôn.

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các xã, thị trấn đã tổ chức đào bãi rác để chứa rác thải. Riêng thị trấn Bần Yên Nhân đã tổ chức việc san lấp, xử lý 2 bãi rác nằm sát trong khu dân cư. Bước đầu việc tổ chức bảo vệ môi trường theo mô hình tự quản trên địa bàn huyện đã được thực hiện đi vào nề nếp.

*** Vấn đề xử lý chất thải của huyện**

Lượng chất thải công nghiệp chưa lớn, thành phần ít độc hại nên thực tế chất lượng môi trường ở hầu hết các điểm quan trắc đạt tiêu chuẩn. Tuy nhiên, đã có một số điểm bị ô nhiễm cục bộ, phạm vi hẹp, các dự án tiếp tục được đầu tư vào các khu công nghiệp trong thời gian tới sẽ làm lượng chất thải tăng lên, cần có quy hoạch, kế hoạch, biện pháp cụ thể để khu công nghiệp phát triển phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường, đảm bảo sức khỏe, đời sống sản xuất của nhân dân xung quanh khu công nghiệp.

Ngoài ra còn lưu ý một số vấn đề môi trường sau có tính chất nhạy cảm đối với cộng đồng dân cư:

- Ô nhiễm mùi từ các cơ sở sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi, dung môi từ công đoạn sơn ... Ô nhiễm dầu từ các cơ sở gia công cơ khí, dầu FO dùng đốt nồi hơi, dầu DO chạy máy phát điện.

- Trong điều kiện thời tiết đặc biệt (*khi tốc độ gió thấp, độ ẩm không khí cao*), hiện tượng nghịch đảo nhiệt diễn ra, khí thải lò hơi không phát tán lên cao và lan ra xa được nên ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe của nhân dân khu vực xung quanh

2.1.4. Biến đổi khí hậu

Những tác động của con người đối với môi trường gây ra hiện tượng biến đổi khí hậu. Điển hình là hiện tượng lũ lụt, nắng nóng... gây khó khăn trong sản xuất và đời sống. Vì vậy cần phải có các biện pháp để kịp thời ngăn ngừa, hạn chế, khắc phục ô nhiễm, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái trong khu vực.

2.1.5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và cảnh quan môi trường

Huyện Mỹ Hào là một trong những vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Hưng Yên, có vị trí địa lý thuận lợi, gần thủ đô Hà Nội và các trung tâm kinh tế lớn; địa hình đồng bằng, trình độ dân trí cao, có nhiều khả năng nắm bắt

được những tiến bộ mới của khoa học kỹ thuật. Do vậy, huyện có điều kiện rất thuận lợi cho phát triển kinh tế.

Phần lớn đất đai trong vùng là đất phù sa màu mỡ, địa hình tương đối bằng phẳng với độ cao và độ dốc hợp lý, làm cơ sở nền tảng cho phát triển các ngành kinh tế - xã hội, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp.

Tỉnh Hưng Yên và Thành phố Hà Nội là thị trường tiêu thụ lớn các loại nông sản, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp, tiêu dùng khác. Là địa bàn có nhiều điều kiện thu hút đầu tư vào các cụm, điểm công nghiệp, các khu đô thị trên địa bàn huyện.

Hiện nay, việc phát triển một số ngành kinh tế đã và đang ảnh hưởng xấu đến môi trường như ô nhiễm về bụi, không khí do xây dựng; ô nhiễm từ nước thải và chất thải ở các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; ô nhiễm trong sản xuất nông nghiệp và các làng nghề do việc sử dụng hoá chất không phù hợp, đòi hỏi phải đầu tư và quan tâm đặc biệt đến vấn đề môi trường sinh thái.

2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội huyện Mỹ Hào

2.2.1. Tăng trưởng kinh tế chung

Trong những năm qua, cùng với xu thế phát triển chung của cả nước và của tỉnh, với chính sách mở cửa trong công cuộc cải cách kinh tế, nền kinh tế của huyện từng bước ổn định và phát triển ở hầu hết các ngành, các lĩnh vực từ nông nghiệp, thủy sản đến công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Đây là bước tạo đà cho quá trình phát triển và chuyển dịch kinh tế trên địa bàn huyện và tạo cơ sở cho sự phát triển các lĩnh vực xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa... cải thiện đáng kể đời sống người dân trên địa bàn huyện cả về vật chất và tinh thần.

Trong 5 năm qua, kinh tế của huyện Mỹ Hào tăng trưởng nhanh, giá trị sản xuất tăng bình quân 5 năm qua là 17,68% (mục tiêu là 17,7%). Kinh tế của huyện phát triển trên cả 3 lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt 56 triệu đồng/người/năm, vượt 300 USD so với mục tiêu đề ra.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cùng với xu hướng chung của cả nước, cơ cấu kinh tế của huyện cũng chuyển dịch theo chiều hướng tích cực đúng với chủ trương của Đảng và Nhà nước trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn là giảm tỷ trọng nhóm ngành nông nghiệp - thủy sản, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại, du lịch, dịch vụ.

Nhìn chung, giai đoạn 2011 - 2014, cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế. Cụ thể trong 5 năm qua, cơ cấu kinh tế là nông nghiệp 4,1%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 67,3%, dịch vụ, thương mại 28,6% (mục tiêu 4% - 64% - 32%). Đây là mức tăng mang tính đột biến của cơ cấu trên địa bàn, khẳng định thế mạnh hiện tại của một huyện mà sản xuất công nghiệp, TTCN là thế mạnh.

2.2.2. Tình hình phát triển của các ngành kinh tế

2.2.2.1. Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp

- Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 2,28%/năm (mục tiêu 2,5-3%). Giá trị thu nhập bình quân đạt 94 triệu đồng trên 1 ha công tác (năm 2011 là 90 triệu đồng). Năng suất lúa bình quân đạt 121,16 tạ/ha/năm; diện tích lúa chất lượng cao chiếm trên 80% tổng diện tích gieo cấy.

Chăn nuôi – thủy sản chiếm 56,3% trong cơ cấu nông nghiệp. Đã có nhiều mô hình trang trại chăn nuôi theo phương thức công nghiệp có giá trị kinh tế cao; duy trì ổn định đàn gia súc, gia cầm, giá trị chăn nuôi bình quân tăng 3,52%/năm.

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp cơ bản đáp ứng được các khâu dịch vụ như: Tưới tiêu, bảo vệ thực vật, cung ứng vật tư và dịch vụ khác cho sản xuất;

thực hiện cơ giới hóa khâu làm đất đạt 100%.

Nhiều mô hình trang trại đã được các hộ đầu tư và nhân rộng có hiệu quả, phù hợp với tình hình sản xuất của địa phương, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân.

2.2.2.2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp – xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 16,5%/năm (mục tiêu 18%). Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, tiếp nhận các dự án đầu tư vào địa bàn. Đến nay, trên địa bàn huyện có 188 dự án được phê duyệt, trong đó có 150 dự án đi vào hoạt động, thu hút trên 20.000 lao động.

Việc khôi phục và phát triển làng nghề được quan tâm mang lại hiệu quả thiết thực; tiểu thủ công nghiệp phát triển, đã thu hút hàng vạn lao động có việc làm ổn định và thu nhập khá. Làng nghề Tương Bần được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng công nhận thương hiệu, làng mộc phát triển ở nhiều địa phương.

2.2.2.3. Thương mại - dịch vụ

Thương mại - dịch vụ tăng trưởng nhanh, bình quân đạt được 23,42%/năm (mục tiêu 20%); giá trị xuất khẩu bình quân tăng 25,8%/năm.

Các ngành dịch vụ thương mại phát triển mạnh như vận tải, hệ thống ngân hàng, bưu chính viễn thông, nhà hàng, dịch vụ hàng hóa tại các chợ và siêu thị...đáp ứng các nhu cầu sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân; Hệ thống chợ trên địa bàn được duy trì ổn định, hoàn thành và đưa vào sử dụng chợ Thửa (Dị Sử), chợ Bần và chợ Dầm (Nhân Hòa) theo dự án Lipsap của tỉnh; đến nay trên địa bàn huyện có 05 chợ được bố trí thuận lợi đã góp phần lưu thông hàng hóa, phục vụ nhu cầu của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2.2.3. Dân số, lao động, việc làm

*** Dân số**

Dân số của huyện Mỹ Hào năm 2015 (tính đến 31/12/2015) là 105.290 người.

****Lao động, việc làm và thu nhập***

Mỹ Hào là một huyện với lao động nông nghiệp là chính, nền nông nghiệp của huyện đã có những bước chuyển dịch hiệu quả. Lao động phi nông nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ, làm việc trong các khu công nghiệp. Mỹ Hào có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp, kinh doanh, thương mại, dịch vụ. Do vậy, cùng với xu thế đô thị hóa, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn thì số lượng các doanh nghiệp kinh doanh thương mại dịch vụ sẽ tăng nhanh chóng đồng thời sẽ xuất hiện nhu cầu về số lao động đã qua đào tạo, có trình độ để đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp. Vì vậy, huyện cần phải có những định hướng cũng như các chính sách đào tạo đối với đội ngũ lao động địa phương để đáp ứng cho sự phát triển kinh tế, xã hội của huyện trong giai đoạn tiếp theo.

Cùng với sự gia tăng dân số tự nhiên, lực lượng lao động của huyện không ngừng tăng lên. Nhìn chung số lao động tham gia vào các lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện hiện nay được sử dụng tương đối hợp lý. Cơ cấu lao động tương ứng với 3 khu vực nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ là 3,9% - 67% - 29,1%, cơ cấu này đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết việc làm cho người lao động của huyện Mỹ Hào khi huyện tiến hành thu hồi đất nông nghiệp để tiến hành xây dựng các khu công nghiệp và các khu đô thị mới theo quy hoạch.

Mức sống của người dân trên địa bàn huyện trong những năm gần đây được cải thiện rất nhiều, công tác xoá đói giảm nghèo đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Một trong những nguyên nhân chính để đạt được thành tựu đáng kể đó là do trong công tác xoá đói giảm nghèo đã nhận được sự quan tâm của huyện uỷ và UBND huyện kịp thời. Các chính sách xã hội được các cấp các ngành quan tâm ưu đãi người có công, hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội. Đến nay toàn huyện không còn hộ người có công với cách mạng nằm trong diện hộ nghèo.

Trong những năm qua, bằng nhiều hình thức, Tỉnh Hưng Yên và huyện Mỹ Hào đã có những biện pháp tích cực để giải quyết việc làm cho người lao động như hỗ trợ, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế, phối hợp với các ngành liên quan để xúc tiến việc làm cho người lao động góp phần giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp. Trong những năm tới, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, cần đặc biệt chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, nhằm nâng cao đời sống của nhân dân và ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn huyện.

2.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

a. Thực trạng phát triển đô thị

Thị trấn Bần Yên Nhân là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hoá - xã hội của huyện Mỹ Hào. Tổng diện tích tự nhiên của thị trấn theo số liệu kiểm kê 2015 là 571,52 ha, chiếm 7,20% diện tích tự nhiên toàn huyện.

Thị trấn Bần Yên Nhân là nơi tập trung các cơ quan hành chính, các công trình phúc lợi công cộng, công trình hạ tầng xã hội, các cơ sở thương mại - dịch vụ gắn liền với các khu dân cư. Trong những năm gần đây hệ thống cơ sở hạ tầng có nhiều thay đổi, các công trình xây dựng cơ bản như: Trụ sở làm việc của các cơ quan, các công trình phúc lợi xã hội, hệ thống giao thông, cấp thoát nước mạng lưới thông tin, bưu điện phát thanh truyền hình, các dịch vụ ngân hàng thương mại, du lịch, nhà ở...đang được cải tạo, nâng cấp, kiến trúc đô thị ngày một khang trang.

Hiện nay trên địa bàn huyện có một số các khu đô thị đang được quy hoạch. Một số đô thị điển hình như: Khu đô thị tập đoàn Hoà Phát, Khu đô thị HUD, Khu đô thị Thăng Long 2.

b. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

Hiện trạng năm 2016, toàn bộ dân số của thị trấn Bần Yên Nhân là dân số đô thị còn lại là dân số nông thôn, được phân bố trên địa bàn 12 xã, với mật độ dân số trên địa bàn các xã khác nhau.

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2015, diện tích đất khu dân cư nông thôn của huyện là 1.429,34 ha. Trong đó đất nông nghiệp là 601,09 ha, đất phi nông nghiệp 827,14 ha, đất chưa sử dụng 0,3ha. Bao gồm, đất xây dựng nhà ở của nhân dân, các công trình công cộng trong khu dân cư và diện tích đất sản xuất nông nghiệp nằm trong khu dân cư.

Các điểm dân cư phân bố tập trung tạo thành các quần cư ngõ, phố, xóm làng ở gần các trục giao thông thuận lợi cho sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và kinh doanh, buôn bán, dịch vụ.

Nhìn chung hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn (điện, đường, trường, trạm...) của huyện khá phát triển và đang trong thời kỳ đầu tư phát triển hơn nữa, hình thành các khu công nghiệp, dịch vụ, trung tâm cụm xã với chức năng là trung tâm kinh tế - văn hoá - xã hội của một số xã, là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các tiểu vùng.

2.2.5. Thực trạng hệ thống cơ sở hạ tầng

2.2.5.1. Giao thông

Mạng lưới giao thông của huyện có vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện, của tỉnh và cả vùng. Trên địa bàn huyện có quốc lộ 5A là huyết mạch giao thông đi Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh phía nam. Huyện còn có một số tuyến đường chính đã mở rộng, nâng cấp đưa vào sử dụng như đường 38A, 387, 380.... đây là các trục đường đảm bảo lưu thông với các huyện trong tỉnh. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có hệ thống giao thông đường thuỷ qua hệ thống sông Bắc Hưng Hải đi lại tương đối thuận tiện.

Nhìn chung mạng lưới giao thông đường bộ trong những năm gần đây có nhiều chuyển biến tích cực về chất lượng, giao thông nông thôn được chú ý nâng cấp bề mặt. Đã có đoạn được mở rộng theo tiêu chuẩn cấp III đồng bằng, các trục đường liên xã cũng đã được đầu tư nâng cấp, cải tạo. Tuy nhiên quy mô cấp đường chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện trong tương lai.

2.2.5.2. Thủy lợi

Dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân phối hợp với các cấp, các ngành đã thường xuyên củng cố hệ thống thủy lợi đảm bảo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp một cách tốt nhất. Đồng thời, xây dựng tương đối hoàn chỉnh hệ thống kênh mương nội đồng với 68 trạm bơm lớn nhỏ bố trí hợp lý trên địa bàn huyện, có khả năng tưới chủ động và đảm bảo tiêu với lượng mưa dưới 150 mm phục vụ nông nghiệp nội đồng.

Mỹ Hào nằm trong vùng tưới tiêu thuộc hệ thống thủy nông Bắc - Hưng - Hải và với các sông chính như sông Bần Vũ Xá, Trần Thành Ngọ,... đã chủ động được nước tưới, tiêu thoát nước úng.

Tuy nhiên, vùng trũng phía Nam của huyện (*Hưng Long, Ngọc Lâm, Xuân Dục*). Về mùa lũ còn gặp khó khăn trong việc tiêu thoát nước.

2.2.5.3. Giáo dục - đào tạo

Công tác giáo dục của huyện Mỹ Hào luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Huyện Ủy, UBND huyện, các chủ trương và nhiệm vụ về phát triển giáo dục luôn được chú trọng thực hiện đồng thời với công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực.

Tính đến thời điểm hiện nay, mạng lưới giáo dục của huyện được tổ chức khá hợp lý cho cả 4 cấp học. Công tác xã hội hoá giáo dục được hoạt động khá thường xuyên và phát huy hiệu quả. Nhận thức của các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò của giáo dục - đào tạo được nâng cao, thu hút nhiều nguồn lực khác nhau về đầu tư tăng cường cơ sở vật chất.

Chất lượng dạy và học cũng như giáo dục toàn diện được đánh giá là khá so với các huyện khác trong tỉnh. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý ở các cấp học trong huyện được đào tạo cơ bản với mức chuẩn cao. Tỷ lệ học sinh đến trường cũng đạt chỉ tiêu cao, trong đó 100% trẻ 5 tuổi đã đến trường. Chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao. Trang thiết bị, cơ sở trường lớp ngày càng được quan tâm đầu tư đáp ứng cho sự nghiệp trồng người của huyện.

Tuy nhiên, hệ thống giáo dục - đào tạo của huyện còn gặp một số khó khăn như hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển giáo dục còn yếu mặc dù thời gian qua đã được quan tâm đầu tư. Đặc biệt là cơ sở vật chất khối trường mầm non chưa đáp ứng được yêu cầu của một trường chuẩn. Thiếu cục bộ đội ngũ giáo viên, đặc biệt là giáo viên chuyên sâu, có trình độ cao.

Trong giai đoạn quy hoạch tới, việc bổ sung quỹ đất cho việc xây dựng và mở rộng các cơ sở giáo dục - đào tạo là vô cùng cần thiết, cùng với đó là đầu tư hệ thống trang thiết bị dạy và học hiện đại để đáp ứng một cách tốt nhất cho sự nghiệp đào tạo của huyện, đáp ứng nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế xã hội ngày càng cao của huyện trong những năm tiếp theo.

2.2.5.4. Y tế, dân số

Trong những năm qua ngành y tế của huyện đã hoàn thành tốt nhiệm vụ phòng bệnh (tiêm chủng mở rộng, phòng chống lao), chữa bệnh; bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em được triển khai trên toàn huyện. Hoạt động y tế của huyện đã góp phần tích cực trong công tác phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Hoạt động y tế của huyện đã phối hợp với các ban ngành, đoàn thể chỉ đạo các xã, Thị trấn thực hiện tốt và duy trì khá thường xuyên công tác đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, giữ gìn sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho nhân dân.

Trung tâm y tế huyện phối hợp với Phòng y tế chỉ đạo các trạm y tế xã, thị trấn làm tốt công tác phòng dịch bệnh nên trong những năm qua huyện Mỹ Hào không có dịch xảy ra trên diện rộng.

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đã được quan tâm đầu tư nhưng mới chỉ đảm bảo khám chữa bệnh thông thường, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của nhân dân.

Quan tâm đến công tác y tế là quan tâm đến sức khỏe của người dân, đảm bảo chăm sóc nhân dân một cách tốt nhất. Chính vì vậy, việc đầu tư cơ

sở vật chất và trang thiết bị hiện đại cho công tác y tế là một việc làm cần được thực hiện ngay, cùng với đó là bồi dưỡng, nâng cao trình độ của các y, bác sỹ để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn huyện.

2.2.5.5. Văn hoá, thông tin, thể dục thể thao

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển và tăng trưởng kinh tế của huyện, đời sống vật chất của nhân dân đã được cải thiện một cách rõ rệt. Song song với việc phát triển kinh tế, sự nghiệp thông tin, văn hóa, thể thao của huyện đã từng bước được các ngành quan tâm.

Hiện nay trên địa bàn huyện có các làng cổ truyền thống có giá trị nhân văn sâu sắc. Ngoài các di tích lịch sử và văn hóa vật thể, trên địa bàn huyện Mỹ Hào còn những văn hoá phi vật thể như các lễ hội, các làng nghề có giá trị văn hoá lớn, góp phần bảo tồn và duy trì các giá trị văn hoá truyền thống của huyện.

Công tác "xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư" cũng được huyện cùng các ban ngành xã triển khai thực hiện, cùng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá trong những năm qua đã đạt được những kết quả nổi bật.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao phát triển tương đối toàn diện và từng bước xã hội hoá, cơ sở vật chất được quan tâm, từng bước đáp ứng nhu cầu tập luyện, rèn luyện sức khoẻ của nhân dân.

2.2.5.6. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường củng cố, cấp uỷ, chính quyền các cấp thường xuyên giữ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo đối với lực lượng vũ trang, đã tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Trung ương và Bộ chính trị về chiến lược an ninh quốc gia, chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Giữ vững ổn định chính trị và an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội

có nhiều tiến bộ. Nắm bắt, giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp, nhất là ở địa bàn nông thôn, khu công nghiệp và khu giáp ranh hạn chế diễn biến xấu xảy ra. Đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và bọn tội phạm; hạn chế tai nạn, tệ nạn xã hội; an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hoá - tư tưởng luôn được đảm bảo. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc được duy trì, có nhiều nét tích cực mới.

Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được tăng cường; làm tốt công tác bồi dưỡng trang bị kiến thức quốc phòng cho cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành. coi trọng việc nâng cao chất lượng huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên, chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang trong huyện được nâng lên. Công tác trực sẵn sàng chiến đấu được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân hàng năm, lực lượng vũ trang tham gia có hiệu quả công tác phòng chống lụt bão.

2.3. Phân tích, đánh giá bổ sung về biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất

Biến đổi khí hậu cùng với sự gia tăng của nhiệt độ toàn cầu là những biến động mạnh mẽ của lượng mưa và sự gia tăng của hiện tượng khí hậu, thời tiết cực đoan như lũ lụt, hạn hán, nước biển dâng và trở thành mối đe dọa thường xuyên đối với sản xuất và đời sống. Mối đe dọa này ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn khi dân số ngày càng tăng, các hoạt động kinh tế ngày càng phát triển.

Mực nước biển dâng cao do biến đổi khí hậu là một nguy cơ nghiêm trọng có tính toàn cầu, đặc biệt là đối với những nước có vùng đất thấp và ven biển như Việt Nam. Nước biển dâng kết hợp với triều cường, sóng biển do bão, mưa lớn, lũ lụt và các cơ chế thủy động lực khác gây hậu quả càng trở nên nghiêm trọng hơn đối với diện tích đất nói chung và đất lúa.

Đến năm 2020 nước biển dâng 12cm theo kịch bản Bộ Tài nguyên Môi trường. Dựa trên kịch bản nước biển dâng đó, diện tích bị ngập toàn quốc là 32.497ha, trong đó diện tích đất lúa bị ngập là 5.714ha, chủ yếu tại Đồng

Bằng Sông Cửu Long 3.900ha, Duyên Hải Bắc Trung Bộ 838ha. Năm 2030 nước biển dâng 17cm, diện tích đất toàn quốc bị ngập là 42.420ha, trong đó diện tích đất lúa bị ngập và bị ảnh hưởng là 19.873ha, nhiều nhất là vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long 15.152ha (chiếm 76,2% diện tích đất lúa bị ngập toàn quốc), vùng Duyên Hải Bắc trung Bộ 2.184ha (chiếm 11% diện tích đất lúa ngập toàn quốc), Đông Nam Bộ 1.565ha (chiếm 7,9% diện tích đất lúa bị ngập toàn quốc).

Tác động của BĐKH đối với thiên tai, con người, cây trồng và vật nuôi, như làm tăng tần số, cường độ, tính biến động và tính cực đoan của các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như bão, tố, lốc, các thiên tai liên quan đến nhiệt độ và mưa như thời tiết khô, nóng, lũ lụt, ngập úng hay hạn hán, rét hại, xâm nhập mặn, các dịch bệnh trên người, trên gia súc, gia cầm và trên cây trồng.

Tác động của biến đổi khí hậu đối với tài nguyên nước, chế độ mưa thay đổi có thể gây lũ lụt nghiêm trọng vào mùa mưa và hạn hán vào mùa khô, gây khó khăn cho việc cấp nước và tăng mâu thuẫn trong sử dụng nước.

Tác động của biến đổi khí hậu đối với nông nghiệp và an ninh lương thực, như tác động đến sinh trưởng, năng suất cây trồng, thời vụ gieo trồng, làm tăng nguy cơ lây lan sâu bệnh hại cây trồng, ảnh hưởng đến sinh sản, sinh trưởng của gia súc, gia cầm, làm tăng khả năng sinh bệnh, truyền dịch của gia súc, gia cầm, gây nguy cơ thu hẹp diện tích đất nông nghiệp.

Những năm gần đây, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, biến đổi khí hậu đã gây ra các hiện tượng: Bão, lũ lụt, hạn hán, lũ quét, ngập úng

Như vậy có thể thấy, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sử dụng đất là rất lớn. Do vậy đòi hỏi việc sử dụng đất trong thời gian tới phải có những tính toán hợp lý nhằm ứng phó với các kịch bản biến đổi khí hậu trong thời gian tới.

Đánh giá chung

**** Thuận lợi***

+ Luôn được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các cấp, các ngành của tỉnh và Trung ương; có đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học nhiệt tình, năng động, có trách nhiệm, biết vận dụng sáng tạo đường lối chính sách của

Đảng và Nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

+ Điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, khí hậu, thủy văn, nền thổ nhưỡng phù hợp với nhiều loại cây trồng, vật nuôi cho phép sản xuất nền nông nghiệp phong phú, năng suất cao làm cơ sở cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Nền kinh tế đang có bước tăng trưởng nhanh ổn định, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ - du lịch.

+ Có nguồn lao động dồi dào, giàu kinh nghiệm, có trình độ thâm canh, có ý thức hướng tới sản xuất hàng hóa, được chú trọng trong đào tạo nên hiệu quả sử dụng đất tương đối cao.

+ Diện tích đất nông nghiệp còn khá, tạo điều kiện chuyển đổi một phần diện tích phục vụ các mục đích sử dụng khác.

+ Hệ thống cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện, đặc biệt là hệ thống giao thông phân bố rộng khắp và khá hợp lý nên tạo thuận lợi trong giao lưu kinh tế, văn hóa, tạo điều kiện tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển nền kinh tế đa dạng.

*** Khó khăn**

+ Trong những năm tới, yêu cầu phát triển nhanh công nghiệp - xây dựng, du lịch - dịch vụ kéo theo nhu cầu sử dụng đất ngày càng lớn. Ngoài ra, tuy hệ thống cơ sở hạ tầng đã được đầu tư, nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai. Việc bố trí thỏa đáng đất đai cho nhu cầu này, đặc biệt là yêu cầu cho đất khu, cụm công nghiệp, đất ở... là rất cần thiết đồng thời bắt buộc phải bố trí vào đất sản xuất nông nghiệp, nếu không tính toán và quy hoạch hợp lý sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người nông dân.

+ Nhằm đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nông thôn thì việc bố trí đất cho các khu, cụm công nghiệp, đất sản xuất kinh doanh cũng như việc đầu tư, cải tạo phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng (giao thông, cấp thoát nước, trường học, y tế...) sẽ đòi hỏi một quỹ đất tương đối lớn, không chỉ gây sức ép về quy mô diện tích mà còn tạo áp lực trong việc xác định vị trí xây dựng, bố trí công trình.

+ Cùng với đẩy nhanh phát triển công nghiệp - xây dựng, dịch vụ du lịch, tốc độ đô thị hóa sẽ diễn ra nhanh trong những năm tới. Nhu cầu đất cho quy hoạch các khu đô thị là khá lớn gây áp lực không nhỏ đến sử dụng đất đặc biệt là các khu vực có hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển.

+ Dân số tăng đòi hỏi quỹ đất lớn phục vụ xây dựng nhà ở, đất sản xuất, xây dựng công trình phục vụ đời sống của con người như công trình văn hóa, thể thao, khu vui chơi... Điều này cũng tác động rất lớn đối với đất đai của huyện.

Như vậy, từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội những năm gần đây cũng như dự báo phát triển trong tương lai (trong khi quỹ đất có hạn) thì áp lực đối với đất đai của huyện đã và sẽ ngày càng gay gắt hơn dẫn đến thay đổi lớn hiện trạng sử dụng đất hiện nay của huyện. Do đó, để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lâu dài, bền vững, cần phải xem xét một cách nghiêm túc việc khai thác sử dụng đất theo hướng khoa học trên cơ sở: tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; bố trí đất đai phải đáp ứng được nhu cầu về đất sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cũng như phục vụ cho việc hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và nâng cao đời sống người dân.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH

3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai

3.1.1. Việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất

Sau khi Luật đất đai năm 2013 ra đời và có hiệu lực thi hành, được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Hào đã tổ chức đưa Luật đất đai 2013 cùng nhiều văn bản pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai khác vào cuộc sống giúp cho mọi tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân hiểu và nghiêm túc chấp hành. Ban hành Quy định về hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình; hạn mức giao đất trồng, đòi

núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Ban hành Quy định về hoạt động Đo đạc và Bản đồ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Ban hành Đơn giá thuê đất trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Nhìn chung, huyện Mỹ Hào đã tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất khá tốt. Do vậy, công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện tiếp tục được củng cố, cơ bản hoàn thành những nhiệm vụ và kế hoạch đề ra.

3.1.2. Công tác xác lập, quản lý địa giới hành chính

Thực hiện Chỉ thị 364/CT-TTg của Chính phủ, UBND các xã trên địa bàn huyện phối hợp với cơ quan chức năng đã tiến hành hoạch định ranh giới hành chính các xã, cắm mốc giới, ổn định phạm vi quản lý và sử dụng đất trên địa bàn từng xã. Hiện tại, hệ thống hồ sơ địa giới hành chính cơ bản được thống nhất rõ ràng.

3.1.3. Khảo sát, đo đạc lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất

Đến nay, tất cả các xã đã có bản đồ địa chính, lưu giữ cả dạng số và dạng giấy, trong đó hiện nay tất cả các xã hoàn thành đo đạc. Hệ thống bản đồ địa chính đã góp phần làm cơ sở để thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất (đăng ký đất đai), giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng; cấp mới và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lập quy hoạch xây dựng khu dân cư; thanh tra tình hình sử dụng đất và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai; cơ sở thống kê, kiểm kê đất đai.

Năm 2015, Mỹ Hào đã hoàn thành công tác thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 cấp xã, huyện theo Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT

ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01/08/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014. Bản đồ đều được lập bằng phương pháp số (file chuẩn.DGN), nằm trong hệ tọa độ chuẩn quốc gia (VN-2000). Đây là tài liệu quan trọng phục vụ cho công tác quản lý đất đai và hoạch định phát triển kinh tế - xã hội.

3.1.4. Công tác quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên trong những năm qua việc lập quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất đã được triển khai khá tốt. Mỹ Hào đã thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 ở cả cấp huyện và xã. Trước nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện, đây là hành lang pháp lý, là cơ sở để quản lý và sử dụng đất đai, tạo điều kiện cho người sử dụng đất yên tâm đầu tư nhằm sử dụng đất có hiệu quả theo quy hoạch và pháp luật.

Thực hiện một số điểm mới của Luật đất đai năm 2013, công tác lập kế hoạch sử dụng đất của các năm 2015, 2016, 2017 của huyện được thực hiện và phê duyệt đúng thời gian quy định. Luôn tổng hợp nhu cầu mới phát sinh để đề nghị tỉnh bổ sung kế hoạch sử dụng đất.

3.1.5. Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nhu cầu thực tế với phương châm tiết kiệm, hiệu quả, đặc biệt là việc sử dụng đất nông nghiệp vào các mục đích khác. Hồ sơ đất đai được thẩm định theo đúng quy định, có sự phối hợp giữa các ngành, các cấp nên đã rút ngắn được thời gian thực hiện, cơ bản đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sử dụng của các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân. Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng được thực hiện theo quy định của pháp luật, ít có khiếu nại xảy ra đồng thời giải quyết tốt các khiếu nại phát

sinh về đền bù giải phóng mặt bằng.

Việc giao đất ổn định lâu dài cho các đối tượng sử dụng là một giải pháp quan trọng nhằm khắc phục tình trạng sử dụng đất kém hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện cho các đối tượng yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả cao.

3.1.6. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất

Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất trên địa bàn huyện trong những năm qua đã không để xảy ra diễn biến phức tạp gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa phương.

Nhìn chung, các dự án đều được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục về bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư theo quy phạm pháp luật. Do có sự chỉ đạo, lãnh đạo chặt chẽ nên việc áp dụng trình tự, thủ tục thu hồi đất, triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án tương đối nhanh chóng, thuận lợi; hạn chế tối đa tình trạng thắc mắc, khiếu kiện của người có đất Nhà nước thu hồi đất.

3.1.7. Công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Nhìn chung, việc đăng ký quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong những năm qua đã được địa phương và người dân quan tâm. Tổng số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Mỹ Hào.

3.1.8. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai

Huyện đã thực hiện tốt công tác kiểm kê đất đai định kỳ 5 năm theo chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01/08/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014; Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Kế

hoạch số 02/KH-BTNMT ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014 theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Nhìn chung, hoạt động công tác kiểm kê, thống kê về đất đai đã được nâng cao dần, chất lượng bản đồ và số liệu thống kê, kiểm kê về đất đai đã sát với hiện trạng.

3.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai.

Công tác xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu quản lý đất đai chưa được thực hiện trên địa bàn huyện Mỹ Hào. Hiện nay, nhiều địa phương trên cả nước đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và thu được nhiều kết quả khả quan. Công tác này đang góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đất đai trong giai đoạn hiện nay. Thực tế, việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhằm xây dựng được một hệ thống thống nhất trên phạm vi cấp tỉnh và cập nhật thông tin; ở địa phương giúp các Sở TN&MT theo dõi, giám sát về tình hình sử dụng đất, thực hiện quy hoạch; ở cấp Bộ trực tiếp là Tổng cục Quản lý đất đai nắm được tình hình sử dụng đất...

Đồng thời, thông qua hệ thống, việc tra cứu truy cập thông tin đất đai của các cấp được dễ dàng, nhanh chóng, thuận lợi; cán bộ Văn phòng Đăng ký cấp tỉnh, huyện có thể cập nhật, đồng thời, cùng một lúc tất cả những kết quả đăng ký lần đầu cũng như những biến động đất đai, nhà ở, tài sản phát sinh trong quá trình quản lý, sử dụng đất tại địa phương như chia tách thửa, thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng, thế chấp, bổ sung tài sản... Nhờ vậy, giảm được rất nhiều thời gian, nhân lực cho việc chỉnh lý bản đồ, hồ sơ, sổ bộ địa chính ở các cấp, cơ sở dữ liệu địa chính sau khi hình thành luôn được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và tại mọi thời điểm luôn phản ánh thông tin mới nhất của các thửa đất. Vì vậy, trong thời gian tới huyện Mỹ Hào cần được xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu quản lý đất đai.

3.1.10. Công tác quản lý tài chính về đất đai

Nhìn chung, công tác quản lý tài chính về đất đai của huyện được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Để thực hiện việc thu, chi liên quan đến đất đai, UBND huyện đã tổ chức việc thu các loại thuế sử dụng đất, thuế nhà đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất trên cơ sở hệ thống các văn bản đã ban hành, ngoài ra còn có các nguồn kinh phí do Nhà nước cung cấp.

3.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

Công tác quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đã được UBND huyện quan tâm thông qua việc quản lý, giám sát các hoạt động chuyển nhượng, cho thuê đất, thu thuế, thu tiền sử dụng đất... góp phần đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất và nguồn thu ngân sách. Tuy nhiên, do còn những hạn chế nhất định trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phần nào đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác này.

3.1.12. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Trong những năm qua, công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai trên địa bàn huyện được quan tâm và thực hiện thường xuyên dưới nhiều hình thức như thanh tra, kiểm tra... đã ngăn chặn và xử lý các hành vi sử dụng đất không đúng mục đích. Điều này đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật đất đai cho người sử dụng đất, đưa đất đai vào sử dụng đúng mục đích, bền vững, có hiệu quả.

3.1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai.

Huyện đã tổ chức tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân về nội dung cơ bản của Luật Đất

đai 2013. Qua đó đã tư vấn, giải đáp nhiều câu hỏi, vướng mắc liên quan đến sản xuất, phát triển kinh tế, chính sách thuế nông nghiệp, hỗ trợ vốn, pháp luật đất đai...

Nhìn chung, công tác tuyên truyền pháp luật đất đai đã được triển khai rộng rãi đến mọi đối tượng với những nội dung thiết thực và hình thức phù hợp được các Ban, ngành, các địa phương và được dư luận nhân dân đánh giá cao. Qua đó đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật đất đai của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất.

3.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai.

Hàng năm trên địa bàn huyện vẫn xảy ra một số vụ tranh chấp đất đai giữa các hộ sử dụng đất liền kề và trong dòng tộc về ranh giới sử dụng đất, quyền thừa kế... nhưng đã được huyện và các cấp có thẩm quyền giải quyết.

3.1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai

Văn phòng đăng ký đất đai ở cấp tỉnh và các huyện, thành phố đã được đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, công khai các thủ tục về nhà đất, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, đăng ký thế chấp, bảo lãnh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Trung tâm phát triển quỹ đất là đơn vị sự nghiệp công lập, có chức năng thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất mà chưa có dự án đầu tư; chuẩn bị mặt bằng và các điều kiện phục vụ việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định; tạo lập quỹ đất, nhà tái định cư phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn...

3.2. Phân tích, đánh giá hiện trạng và biến động sử dụng đất

3.2.1. Phân tích hiện trạng sử dụng các loại đất

Diện tích đất tự nhiên của huyện năm 2015 là 7.936,12 ha. Cụ thể:

Đất nông nghiệp: 5.169,44 ha, chiếm 65,14% diện tích tự nhiên;

Đất phi nông nghiệp: 2.765,09 ha, chiếm 34,84% diện tích tự nhiên;

Đất chưa sử dụng: 1,59 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên.

a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2015 là 5.169,44 ha, chiếm 65,14% diện tích tự nhiên. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Đến 31/12/2015, đất trồng lúa có diện tích 4.233,32 ha, chiếm 54,34% diện tích đất tự nhiên, nhiều nhất tại các xã Phan Đình Phùng, Cẩm Xá, Dương Quang, Hòa Phong, Nhân Hòa, Ngọc Lâm...

- Đất trồng cây hàng năm khác: phân bố nhiều tại xã Cẩm Xá, Hòa Phong, Nhân Hòa, Minh Đức, Phùng Chí Kiên... Đến 31/12/2017, đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 13,84 ha, chiếm 0,17% diện tích đất tự nhiên.

**Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2015
huyện Mỹ Hòa**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Tỷ lệ so tổng diện tích tự nhiên
	Tổng diện tích tự nhiên		7.936,12	100,00
	Đất nông nghiệp	NNP	5.169,44	65,14
1	Đất trồng lúa	LUA	4.233,32	53,34
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4.233,32</i>	<i>53,34</i>
2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	13,84	0,17
3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	488,60	6,16
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	396,21	4,99
5	Đất nông nghiệp khác	NKH	37,47	0,47

(Nguồn: Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Mỹ Hòa)

- Đất trồng cây lâu năm: Tập trung chủ yếu tại các xã Dương Quang, Thị trấn Bàn, Phan Đình Phùng, Cẩm Xá... Cây lâu năm trên địa bàn huyện chủ yếu trồng rải rác tại các hộ gia đình hoặc kết hợp ở các trang trại khu nuôi trồng thủy sản, không mang tính tập trung. Đến 31/12/2015, đất cây lâu năm có diện tích 488,60 ha, chiếm 6,16% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất nuôi trồng thủy sản là 396,21 ha, chiếm 4,99% diện tích đất tự nhiên,

phân bố chủ yếu tại Cẩm Xá, Dương Quang, HòaPhong, Minh Đức....

- Đất nông nghiệp khác có diện tích 37,47 ha, chiếm 0,47% tổng diện tích tự nhiên.

b. Đất phi nông nghiệp

Đất phi nông nghiệp năm 2015 có diện tích 2.765,09 ha, chiếm 34,84% diện tích tự nhiên, trong đó:

- Đất quốc phòng: tập trung trên địa bàn Thị trấn Bần và xã Nhân Hòa. Đến 31/12/2015, diện tích đất quốc phòng là 20,26 ha, chiếm 0,26% tổng diện tích tự nhiên. Việc sử dụng đất quốc phòng đã tuân thủ quy định nhằm sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả đảm bảo tính cơ động, kịp thời.

- Đất an ninh: Đến 31/12/2015, đất an ninh có diện tích 0,54 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên, tập trung tại TT Bần Yên Nhân.

- Đất khu công nghiệp: Đến 31/12/2015, đất khu công nghiệp có diện tích là 248,48 ha, chiếm 3,13% diện tích đất tự nhiên. Hiện nay, huyện có khu công nghiệp dệt may Thăng Long, có vị trí giao thông thuận lợi, là các khu công nghiệp đa ngành, gồm công nghiệp cơ khí chế tạo máy, cơ khí đóng tàu, sản xuất phân bón, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng may mặc, chế biến nông sản, thực phẩm...

- Đất cụm công nghiệp: Đến 31/12/2015, đất cụm công nghiệp có diện tích là 24,78 ha, chiếm 0,31% diện tích đất tự nhiên

- Đất thương mại dịch vụ: Đến 31/12/2015, đất thương mại dịch vụ có diện tích 0,92 ha, chiếm 0,01% diện tích đất tự nhiên.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Đến 31/12/2015, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 333,09 ha, chiếm 4,20% diện tích tự nhiên.

- Đất phát triển hạ tầng 1.127,79 ha, chiếm 14,21% diện tích đất tự nhiên. Trong nhóm đất này, chủ yếu là đất giao thông và đất thủy lợi.

+ Đất giao thông: Đến 31/12/2015, đất giao thông có diện tích

635,11ha, chiếm 8,00% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất thủy lợi: Đất thủy lợi trên địa bàn huyện gồm các hệ thống kênh tưới, tiêu, hệ thống cống, đê, trạm bơm. Đến 31/12/2015, đất thủy lợi có diện tích 393,14 ha, chiếm 4,95% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất công trình năng lượng: Đến 31/12/2015, đất công trình năng lượng có diện tích 6,41 ha, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên. Đất này chủ yếu là để xây dựng hệ thống tải điện, hệ thống mạng truyền thông...

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Đến 31/12/ 2015, đất công trình bưu chính có diện tích 1,16 ha. Đất này chủ yếu là để xây dựng hệ thống mạng truyền thông...

+ Đất cơ sở văn hóa: bao gồm diện tích xây dựng các công trình như đài phát thanh, các điểm văn hóa xã, tượng đài... Đến 31/12/2015 đất cơ sở văn hóa có diện tích 0,26 ha tập trung ở xã Nhân Hòa và Hưng Long.

+ Đất cơ sở y tế: Đến 31/12/2015, đất cơ sở y tế có diện tích 8,23 ha, chiếm 0,10% diện tích đất tự nhiên, bao gồm diện tích xây dựng các trạm y tế phường, xã.

+ Đất cơ sở giáo dục đào tạo: bao gồm diện tích khuôn viên các trường mầm non, tiểu học, trung học.... Đến 31/12/2015, đất cơ sở giáo dục đào tạo có diện tích 62,71 ha, chiếm 0,79% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: bao gồm các sân vận động, sân thể dục thể thao của huyện, các phường, xã. Đến 31/12/2015, đất cơ sở thể dục thể thao có diện tích 14,52 ha, chiếm 0,18% diện tích đất tự nhiên.

+ Đất chợ: bao gồm diện tích chợ các xã trên địa bàn huyện. Đến 31/12/2015, đất chợ có diện tích 6,25 ha, chiếm 0,08% diện tích đất tự nhiên.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích này dùng để chứa và xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp. Với yêu cầu phát triển của sản xuất, trong giai đoạn tới cần bổ sung diện tích loại đất này nhằm đảm bảo việc xử lý rác thải ngày càng nhiều tại các cơ sở sản xuất tập trung, các khu dịch vụ... Đến

31/12/2015, đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích 14,92 ha, chiếm 0,19% diện tích tự nhiên.

Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2015
huyện Mỹ Hòa

TT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ so với DTTN (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		7.936,12	100,00
	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.765,09	34,84
1	Đất quốc phòng	CQP	20,26	0,26
2	Đất an ninh	CAN	0,54	0,01
3	Đất khu công nghiệp	SKK	248,48	3,13
4	Đất cụm công nghiệp	SKN	24,78	0,31
5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,92	0,01
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	333,09	4,20
7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.127,79	14,21
9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		
10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	14,92	0,19
12	Đất ở tại nông thôn	ONT	583,07	7,35
13	Đất ở tại đô thị	ODT	68,52	0,86
14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,46	0,14
15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		
16	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
17	Đất cơ sở tôn giáo	TON	10,81	0,14
18	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	89,09	0,86
19	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	33,61	0,42
20	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,35	0,08
21	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		
22	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2	0,03
23	Đất sông, ngòi, kênh	SON	72,68	0,92
24	Đất có mặt nước chuyên dụng	MNC	137,72	1,74
25	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		

(Nguồn: Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Mỹ Hòa)

- Đất ở tại nông thôn: Đến 31/12/2015, đất ở tại nông thôn có diện tích 583,07 ha, chiếm 7,35% diện tích đất tự nhiên.

- Đất ở tại đô thị: Đến 31/12/2015, đất ở tại đô thị có diện tích 68,52 ha, chiếm 0,86% diện tích đất tự nhiên

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đến 31/12/2015, đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích 11,46 ha, chiếm 0,14% diện tích đất tự nhiên.

- Đất cơ sở tôn giáo: Đến 31/12/2015, đất cơ sở tôn giáo, có diện tích 10,81 ha, chiếm 0,14% diện tích đất tự nhiên, gồm diện tích các chùa, nhà thờ, thánh thất...

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Đến 31/12/2015, đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích 68,09 ha, chiếm 0,86% diện tích đất tự nhiên.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Đến 31/12/2015, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có diện tích 33,61 ha chiếm 0,42% diện tích tự nhiên.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Đến 31/12/2015, đất sinh hoạt cộng đồng có diện tích 6,35 ha, chiếm 0,08% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Đến 31/12/2015, đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích 2,00 ha, chiếm 0,03% diện tích đất tự nhiên, gồm diện tích các đình, đền, miếu, am, nhà thờ họ...

- Đất sông, ngòi, kênh: Đến 31/12/2015, đất sông, ngòi, kênh có diện tích 72,68 ha, chiếm 0,92% diện tích đất tự nhiên.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Đến 31/12/2015, đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích là 137,72 ha, chiếm 1,74% diện tích đất tự nhiên.

c. Đất chưa sử dụng

Đến 31/12/2015 đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện Mỹ Hào còn 1,59 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên.

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Mỹ Hào được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 23/05/2013; Điều chỉnh Quy hoạch Sử dụng đất được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại. Tình hình thực hiện Quy hoạch sử dụng đất của huyện Mỹ Hào được đánh giá qua việc thực hiện các công trình sử dụng đất giai đoạn 2011-2015 và 2011-2017, trong đó: kết quả thực hiện sử dụng đất giai đoạn 2011-2015 được so sánh với diện tích chuyển mục đích của kế hoạch kỳ đầu (2011-2015) đã được phê duyệt; kết quả thực hiện sử dụng đất giai đoạn 2011-2017 được so sánh với diện tích chuyển mục đích của cả kỳ quy hoạch (2011-2020) đã được phê duyệt.

4.1.1. Đất nông nghiệp

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt diện tích đất nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 là 4.091,29 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 3.325,06 ha. Kết quả giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất nông nghiệp là 5.169,44 ha đạt 155,47%.

Mức độ chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp chậm là do các nguyên nhân sau:

- + Một số công trình mở rộng diện tích nhưng thực tế diện tích hiện trạng chưa được sử dụng hết nên chưa có nhu cầu mở rộng diện tích.
- + Do thay đổi phương pháp tính và thống kê theo Thông tư 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Cụ thể các loại đất như sau:

- Đất trồng lúa:

Theo phương án Quy hoạch sử dụng đất được duyệt, diện tích đất trồng lúa giai đoạn 2011 - 2015 là 3671,44 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 3.046,86 ha.

Kết quả thực hiện giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất trồng lúa là 4.233,32 ha, đạt 138,94%, cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt; giai đoạn 2011 – 2017 diện tích đất trồng lúa là 4.110,89 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 1.064,03 ha. Nguyên nhân do một số công trình, dự án phi nông nghiệp lấy vào đất lúa nhưng chưa thực hiện được.

**Bảng 3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất nông nghiệp
đến thời điều chỉnh quy hoạch**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2010	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)	(4)	(5)
1	Đất nông nghiệp	NNP	4.715,77	3.325,06	5.169,44	1.844,38	155,47
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.242,42	3.046,86	4.233,32	1.186,46	138,94
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	4.242,42	3.046,86	4.233,32	1.186,46	138,94
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7,73		13,84	13,84	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	92,43	3,36	488,60	485,24	1.4541,67
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	373,19	273,96	396,21	122,25	144,62
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH		0,88	37,47	36,59	4.257,95

- Đất trồng cây hàng năm khác:

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được duyệt, diện tích đất trồng cây hàng năm khác giai đoạn 2011 - 2015 là 7,69 ha; giai đoạn 2011 - 2020 không có. Kết quả thực hiện giai đoạn 2011 - 2015, đất trồng cây hàng năm khác là 13,84 h, cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 13,84 ha. Kết quả thực hiện giai đoạn 2011 - 2017, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 13,84 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 13,84 ha.

- Đất trồng cây lâu năm:

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được duyệt, diện tích đất trồng

cây lâu năm giai đoạn 2011 - 2015 là 85,41 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 3,36ha. Kết quả thực hiện giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất trồng cây lâu năm là 488,60 ha, đạt 14.541,67%, cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 485,24 ha. Diện tích cây lâu năm giai đoạn 2011 - 2017 là 486,96 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 483,60 ha. Nguyên nhân chính là các công trình, dự án dự kiến lấy vào đất trồng cây lâu năm nhưng chưa được thực hiện do vướng mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và nguồn vốn đầu tư...đồng thời do thay đổi phương pháp tính số liệu thống kê, kiểm kê nên quá trình chuẩn hóa, biên tập lại diện tích đất trồng cây lâu năm có độ chính xác cao hơn.

- Đất nuôi trồng thủy sản:

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được duyệt, diện tích đất nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2011 – 2015 là 318,92 ha; giai đoạn 2011 - 2020 diện tích là 273,96 ha. Kết quả thực hiện, giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 396,21 ha, đạt 144,62%, cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 122,25 ha so; giai đoạn 2011 - 2017, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 395,15ha, tăng 121.19ha.

- Đất nông nghiệp khác:

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được duyệt, diện tích đất nông nghiệp khác giai đoạn 2011 – 2015 là không có; giai đoạn 2011 - 2020 là 0,88 ha. Kết quả thực hiện giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất nông nghiệp khác là 37,47, đạt 4.257,95% (cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt); kết quả thực hiện giai đoạn 2011 – 2017, diện tích đất nông nghiệp khác là 37,47 ha, tăng 36,59 ha.

4.1.2. Đất phi nông nghiệp

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được duyệt, giai đoạn 2011 - 2015 diện tích đất phi nông nghiệp là 3.817,86 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 4.585,09 ha. Kết quả thực hiện giai đoạn 2011 - 2015, diện tích đất phi nông

ng nghiệp là 2.765,09 ha, đạt 60,31% (giảm 1.820 ha so với chỉ tiêu được duyệt); giai đoạn 2011 - 2017 diện tích đất phi nông nghiệp là 2.890,22 ha, (giảm 1.694,87 ha so với chỉ tiêu được phê duyệt).

- Đất quốc phòng: Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất quốc phòng giai đoạn 2011 – 2015 là 32,07 ha; giai đoạn 2011 – 2020 là 36,07 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất quốc phòng là 20,26 ha, đạt 56,17%, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 15,81 ha; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất quốc phòng là 20,26 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 15,81 ha.

- Đất an ninh: Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất an ninh giai đoạn 2011 – 2015 là 1,45 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 2,45 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất an ninh là 0,54ha, đạt 22,04%, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 1,91 ha; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất an ninh là 0,54 ha, giảm hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 1,91 ha.

- Đất khu công nghiệp: Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất khu công nghiệp giai đoạn 2011 – 2015 là 299,22 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 670,81 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất khu công nghiệp là 248,48 ha, đạt 37,04%, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 422,33 ha; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất khu công nghiệp là 248,48 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 422,33 ha.

**Bảng 4. Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đến thời điểm
chỉnh quy hoạch**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2010	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
					Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)	(4)	(5)

2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3185.14	4585.09	2,765.09	-1,820.00	60.31
2.1	Đất quốc phòng	CQP	21.47	36.07	20.26	-15.81	56.17
2.2	Đất an ninh	CAN	0.43	2.45	0.54	-1.91	22.04
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	212.21	670.81	248.48	-422.33	37.04
	Đất cụm công nghiệp	SKN	16	127	24.78		19.51
2.4	Đất thương mại dịch vụ	TMD			0.92	0.92	
2.5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	SKC	252.32	323.39	332.17	8.78	102.71
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1247.9	1,738.86	1,127.79	-611.07	64.86
2.7	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2.04	3.54			
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			0.00	0.00	
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15.07	26.33	14.92	-11.41	56.67
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	752.18	812.22	583.07	-229.15	71.79
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	67.03	341.94	68.52	-273.42	20.04
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	28.86	32.11	11.46	-20.65	35.69
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS					
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	TON	9.1	9.78	10.81	1.03	110.53
2.15	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	72.83	85.27	68.09	-17.18	79.85
2.16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	73.96	80.81	33.61	-47.20	41.59
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			6.35	6.35	
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			0.00	0.00	
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2	2	2.00	0.00	100.00
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	72.68	72.68	72.68	0.00	100.00
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	339.06	219.83	137.72	-82.11	62.65
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			0.00	0.00	

- Đất cụm công nghiệp: Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất khu công nghiệp giai đoạn 2011 – 2015 là 28,74 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 127 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất cụm công nghiệp là 24,78 ha, đạt 19,51%, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 102,22 ha; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất cụm công nghiệp là 24,78 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 102,22 ha.

- Đất thương mại dịch vụ: Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được

phê duyệt, diện tích đất thương mại, dịch vụ giai đoạn 2011 – 2015 không có; giai đoạn 2011 - 2020 không có. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 0,92 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 0,92 ha; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 0,44ha, cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 0,44 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp giai đoạn 2011 – 2015 là 320,41 ha; giai đoạn 2011 – 2020 là 323,39 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 332,17 ha, đạt 102,71%, cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 8,78 ha; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 375,07 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 51,68 ha.

- Đất phát triển hạ tầng: Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất phát triển hạ tầng giai đoạn 2011 – 2015 là 1.463,12 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 1.738,86 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất phát triển hạ tầng là 1.127,79 ha thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 611,07 ha; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất phát triển hạ tầng là 1.123,75 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 615,11 ha.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải:

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải giai đoạn 2011 – 2015 là 19,12 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 26,33 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 14,92 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 11,41 ha, đạt tỷ lệ 56,67%; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 14,92 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 11,41 ha.

- Đất ở nông thôn:

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất ở nông thôn giai đoạn 2011 – 2015 là 790,40 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là

812,22 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất ở nông thôn là 583,07 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 229,15 ha, đạt tỷ lệ 71,79 %; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất ở nông thôn là 597,41 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 214,81 ha.

- Đất ở đô thị:

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất ở đô thị giai đoạn 2011 – 2015 là 247,41 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 341,94 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất ở đô thị là 68,52 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 273,42 ha, đạt tỷ lệ 20,04%; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất ở đô thị là 139,06 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 202,88 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan giai đoạn 2011 – 2015 là 32,11 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 32,11 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 11,46 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 20,65 ha, đạt tỷ lệ 35,69%; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 14,46 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 17,65 ha.

- Đất cơ sở tôn giáo

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất xây dựng cơ sở tôn giáo giai đoạn 2011 – 2015 là 9,78 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 9,78 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất cơ sở tôn giáo là 10,81 ha, vượt so với chỉ tiêu được phê duyệt là 1,03 ha; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất cơ sở tôn giáo là 10,81 ha, vượt so với chỉ tiêu được phê duyệt là 1,03 ha.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa giai đoạn 2011 – 2015 là 85,27 ha; giai đoạn 2011

– 2020 là 85,27 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa là 68,08 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 17,18 ha, đạt tỷ lệ 79,85%; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa là 68,08 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 17,18 ha, đạt tỷ lệ 89,10%.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm giai đoạn 2011 – 2015 là 73,96 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 80,81 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 33,61 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 47,20 ha, đạt tỷ lệ 41,59%; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 33,61 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 47,20 ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng:

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng giai đoạn 2011 – 2015 không có; giai đoạn 2011 - 2020 không có. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 6,35 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 6,35 ha; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 6,35 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 6,35 ha.

- Đất cơ sở tín ngưỡng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng giai đoạn 2011 – 2015 là 2 ha; giai đoạn 2011 - 2020 tăng 2ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng là 2 ha, bằng với chỉ tiêu được phê duyệt, đạt tỷ lệ 100 %; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng là 2 ha, bằng so với chỉ tiêu được phê duyệt.

- Đất có mặt nước chuyên dụng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất có mặt nước chuyên dụng giai đoạn 2011 – 2015 là 257,37 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 219,83 ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất có mặt nước chuyên dụng là 137,72 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 82,11 ha, đạt tỷ lệ 62,65%; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất có mặt nước chuyên dụng là 137,42 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được phê duyệt là 82,41ha.

4.1.3. Đất chưa sử dụng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, diện tích đất chưa sử dụng giai đoạn 2011 – 2015 là 0,81 ha; giai đoạn 2011 - 2020 là 0,81ha. Kết quả thực hiện cả giai đoạn 2011 – 2015, diện tích đất chưa sử dụng là 1,59 ha, vượt so với chỉ tiêu được phê duyệt là 0,78 ha; giai đoạn 2011-2017, diện tích đất chưa sử dụng là 1,59 ha, vượt so với chỉ tiêu được phê duyệt là 0,78 ha.

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

4.2.1. Những kết quả đạt được

- Có sự quan tâm chỉ đạo của huyện ủy, HĐND, UBND huyện trong việc triển khai và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Quy hoạch sử dụng đất đã được cán bộ và nhân dân trên địa bàn huyện, xã nhận thức đúng vai trò và tầm quan trọng. Phương án quy hoạch được các cấp chính quyền công khai trong quá trình thực hiện, được nhân dân ủng hộ. Vì vậy, kết quả thực hiện quy hoạch giai đoạn 2011-2017 đạt khá.

- Tư duy nhận thức về vị trí vai trò của công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã từng bước được nâng cao.

- Việc lập quy hoạch giai đoạn trước đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch, tạo hành lang pháp lý cho huyện trong việc thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo quy hoạch, đặc biệt là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

- Trong những năm qua, trên cơ sở phương án quy hoạch, huyện đã có những quy định cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chấp thuận đầu tư của các dự án thuộc thành phần kinh tế đầu tư vào huyện.

- Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã công bố công khai toàn bộ tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt tại trụ sở, đồng thời tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch đối với các khu đất đã được thu hồi đất, giao đất trên địa bàn huyện.

4.2.2. Những tồn tại

- Nhiều danh mục, công trình sử dụng đất chưa được thực hiện trong kỳ quy hoạch nên tỷ lệ thực hiện quy hoạch chưa cao.

- Cơ sở để xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm ở một số xã trong huyện còn thiếu căn cứ, chưa bám sát vào tình hình thực tế, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện và địa phương.

- Trình độ dân trí chưa đồng đều nên nhận thức về kế hoạch sử dụng đất còn hạn chế, việc tự động chuyển đổi quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất, việc lấn chiếm đất đai đôi khi vẫn còn xảy ra.

4.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại

4.2.3.1. Nguyên nhân khách quan

+ Các xã, thị trấn lập danh mục công trình, dự án đưa vào Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất còn chưa sát thực, nhiều công trình chưa có tính khả thi.

+ Lãnh đạo các xã, thị trấn chưa tích cực giải quyết những khó khăn vướng mắc, huy động mọi nguồn lực để thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

+ Việc lập hồ sơ thủ tục CMĐ sử dụng đất, GPMB, đấu giá quyền sử dụng đất ở khu dân cư còn chậm.

4.2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

+ Yêu cầu xây dựng nông thôn mới đòi hỏi rất nhiều công trình, dự án

phải cùng thực hiện trong một thời gian ngắn, trong khi đó nguồn thu các xã, thị trấn lại rất khó khăn chỉ trông chờ vào cấp trên hỗ trợ và tiền đầu giá đất.

+ Hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất nói chung, CMD sử dụng đất để đầu giá QSDĐ ở nói riêng theo Luật Đất đai mới đòi hỏi rất nhiều thủ tục, nhiều công đoạn (thời gian chậm, kéo dài), GPMB đất lúa gặp khó khăn. Mặt khác, do nhu cầu sử dụng đất, giá cả thị trường biến động giảm, nhiều lô đất đầu nhiều lần không thành. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt tỷ lệ thấp.

- Một số chỉ tiêu trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn chưa sát thực, một số công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh trong quy hoạch của tỉnh được phê duyệt phân bổ cho huyện cũng còn thiếu tính khả thi. Nhiều công trình rất cần thiết nhưng do ngân sách không bảo đảm hoặc bị động về nguồn vốn nên không thực hiện được đây là một trong những nguyên nhân khách quan dẫn đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt thấp.

4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn 2011-2015, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện như sau:

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch cần được coi trọng và tiến hành thường xuyên. Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch, không để tình trạng tự phát chuyển mục đích sử dụng đất xảy ra làm rối loạn tình hình sử dụng đất và tác động xấu đến môi trường.

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp cần đi trước để đảm bảo nguyên tắc quy hoạch, kế hoạch của ngành, lĩnh vực và địa phương có sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp quy hoạch ngành duyệt trước thì phải có sự rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với

quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho việc lập và tổ chức thực hiện đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện và đưa công tác quản lý, sử dụng đất đai vào nề nếp theo đúng quy định của pháp luật.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực; tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cân nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai. Cần có sự phối hợp giữa các sở, ngành và UBND các xã, thị trấn trong việc rà soát, xác định các chỉ tiêu để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của ngành và địa phương nhưng phải sát với tình hình triển khai thực tế của địa phương.

Phần II
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ HÀO, TỈNH HƯNG YÊN

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ HÀO, TỈNH HƯNG YÊN

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của huyện Mỹ Hào

Sau hơn 20 năm tái lập huyện, cơ sở hạ tầng đầu tư nâng cấp, phong trào xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào thi đua sâu rộng trong toàn huyện, hệ thống giao thông, thủy lợi đã cơ bản hoàn thành đồng bộ; Khu công nghiệp và cụm công nghiệp, khu đô thị ở Mỹ Hào rất phát triển. Đó là những thuận lợi mới, lợi thế mới, có tác động trực tiếp, tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện Mỹ Hào trong những năm tiếp theo.

Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của huyện Mỹ Hào là:

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng Bộ, hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền; chủ động, sáng tạo, đổi mới, đoàn kết, phát huy dân chủ, giữ vững kỷ cương, duy trì tăng trưởng kinh tế hợp lý. Đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa chất lượng cao và ứng dụng công nghệ cao; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ nhanh và bền vững, chú trọng phát triển văn hóa và xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường quốc phòng địa phương, đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, xây dựng huyện Mỹ Hào đạt huyện nông thôn mới.

1.2. Quan điểm sử dụng đất

1.2.1. Khai thác khoa học, hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững, có hiệu quả quỹ đất đai

Khi đất đai, nhất là đất có khả năng sản xuất có hạn thì việc sử dụng đất tiết kiệm, đúng mục đích, đủ nhu cầu, có hiệu quả và bền vững mang ý nghĩa thiết thực quan trọng trong quá trình sử dụng đất.

Biện pháp quan trọng nhất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp là hoàn thiện hệ thống thủy lợi và áp dụng các giống cây trồng vật nuôi thích hợp để nâng cao hệ số, hiệu quả sử dụng đất.

Đối với đất sản xuất phi nông nghiệp, cần bố trí diện tích và vị trí phù hợp để tận dụng được các ưu thế, lao động, nguồn nguyên liệu...

Đối với đất khu vực đô thị diện tích đất dành cho nhu cầu phát triển có hạn, cần có giải pháp quy hoạch không gian, nâng tầng đối với các công trình công cộng và nhà ở để tiết kiệm đất.

Đối với khu dân cư nông thôn, vấn đề quan trọng là bố trí hợp lý, thuận tiện cho sản xuất nhưng phải tạo điều kiện đầu tư tập trung và phát huy hiệu quả.

1.2.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phù hợp

Trong những năm tới, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất một cách phù hợp, đáp ứng kịp thời nhu cầu đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội là xu thế tất yếu của huyện. Thực tế những năm gần đây cho thấy, việc chuyển đổi diện tích đất lúa sang chuyên màu, nuôi trồng thủy sản hay trang trại chăn nuôi là bước đi phù hợp mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Tuy nhiên, trong giai đoạn tới, cần hạn chế chuyển đổi đất lúa có năng suất cao.

Ngoài ra, yêu cầu phát triển đòi hỏi huyện cần đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng, phát triển nhiều công trình trên nhiều lĩnh vực như công nghiệp, sản xuất kinh doanh, hạ tầng (giao thông, thủy lợi...). Trong khi quỹ đất chưa sử dụng còn ít vì vậy chủ yếu phải chuyển từ đất nông nghiệp nên trong quá trình chuyển đổi cần cân nhắc cân cân nhắc kỹ giữa các hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường.

1.2.3. Duy trì bảo vệ đất nông nghiệp

Khi sản xuất nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chính trong phát triển kinh tế thì việc duy trì, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cần được quan tâm hàng đầu trong quá trình khai thác sử dụng đất. Phát triển công nghiệp, đô thị, kết cấu hạ tầng phải đồng bộ với chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cần áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật để sử dụng đất đai tiết kiệm.

Trong trường hợp cần chuyển đổi đất nông nghiệp sang các mục đích khác, trừ những công trình mang tính chất bắt buộc, cần chọn những khu đất có năng suất kém, hiệu quả kinh tế thấp. Gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với nhu cầu của thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng giá trị và hiệu quả của sản xuất nông nghiệp trên đơn vị diện tích đất canh tác.

1.2.4. Dành quỹ đất cho phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và đô thị

Phát triển kết cấu hạ tầng là điều kiện quan trọng để thu hút các nguồn đầu tư phát triển kinh tế. Hệ thống kết cấu hạ tầng của huyện mặc dù đã được quan tâm đầu tư nhưng đến nay nhiều lĩnh vực như du lịch, khu công nghiệp, khu vui chơi giải trí, dịch vụ thương mại còn thiếu sức thu hút đầu tư. Do vậy, trong giai đoạn tới, huyện cần tranh thủ mọi nguồn đầu tư phát triển các trung tâm thương mại dịch vụ và các khu, cụm công nghiệp. Đất dành cho các nhu cầu này là khá lớn và không thể không đáp ứng tuy nhiên cần hạn chế tối đa bố trí vào đất trồng lúa có hiệu quả kinh tế cao.

1.2.5. Khai thác sử dụng đất phải đảm bảo tính bền vững gắn liền với việc bảo vệ môi trường

Đất đai là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống. Môi trường đất được cải thiện hay phá huỷ một phần là do chính tác động của con người. Do đó trong quá trình khai thác đất đai không thể tách rời việc sử dụng đất với bảo vệ môi trường đất để đảm bảo tính bền vững, ổn định lâu dài.

Trong sản xuất nông nghiệp, việc bố trí cơ cấu cây trồng phải phù hợp với

cơ cấu mùa vụ, điều kiện đất đai, nguồn nước, khí hậu tránh làm suy thoái đất do bố trí cây trồng không đúng hoặc sử dụng các biện pháp kỹ thuật không hợp lý. Cần phải xem xét đến tính độc hại của các loại chế phẩm hoá học như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để sử dụng hợp lý, tránh gây ô nhiễm môi trường đất.

Trong quá trình phát triển công nghiệp, cần xác định rõ các loại hình công nghiệp, tính độc hại của các chất thải công nghiệp để bố trí đất đai cho phù hợp với môi trường xung quanh. Cần có biện pháp xử lý chất thải đảm bảo không gây ô nhiễm đất, phá huỷ cân bằng hệ sinh thái.

Kết hợp hài hòa giữa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội với khôi phục môi trường sinh thái, tái tạo tài nguyên, đa dạng sinh học bảo vệ các danh lam thắng cảnh, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

1.3.1. Định hướng sử dụng đất khu vực phục vụ sản xuất nông nghiệp

a) Tiềm năng đất phát triển trồng trọt

- Đối với đất trồng lúa nước: Đây là loại hình sử dụng đất rất đa dạng, có thể thích nghi trên diện rộng phục vụ cho trồng lúa 1, 2 vụ và kết hợp các vụ rau màu trong năm. Diện tích đất trồng lúa nước nằm rải rác tại các xã, thị trấn trong toàn huyện. Đặc biệt, cây lúa có thể phát triển trọng điểm ở các xã Nhân Hòa, Di Sử...; các loại cây rau màu có thể tập trung nhiều tại các xã như Hòa Phong, Nhân Hòa...

- Đối với đất trồng cây lâu năm: Hiện nay, cây lâu năm trên địa bàn huyện được trồng phân tán, rải rác ở các xã, tại các hộ gia đình. Ngoài ra, trong những năm tới có thể đẩy mạnh việc trồng cây ăn quả kết hợp với chăn nuôi theo mô hình trang trại.

- Tiềm năng đất đai cho sản xuất nông nghiệp của huyện còn là việc khai thác có hiệu quả theo hướng đầu tư thâm canh nâng cao hiệu quả diện tích đất sản xuất nông nghiệp hiện có bằng các biện pháp khoa học kỹ thuật, đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ

nâng cao hệ số sử dụng đất canh tác, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm.

b) Tiềm năng đất để phát triển nuôi trồng thủy sản

Hiện nay, việc chuyển đất cấy lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện khá phổ biến, đem lại giá trị cao hơn. Trong giai đoạn tới, có thể mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản ở các xã Dương Quang, Ngọc Lâm, Nhân Hòa, Hưng Long, Xuân Dục... Ngoài ra, cần nâng cao hiệu quả từ đất nuôi trồng thủy sản có sẵn bằng việc đầu tư về giống, kỹ thuật...

1.3.2. Định hướng sử dụng đất khu vực phục vụ cho việc phát triển công nghiệp, mở rộng đô thị, xây dựng khu dân cư nông thôn

a) Tiềm năng cho phát triển công nghiệp

Huyện có lực lượng lao động khá dồi dào, trẻ, có trình độ, có thể đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, tiếp cận với khoa học công nghệ tiên tiến đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng lao động cho phát triển công nghiệp công nghệ cao...

Huyện có nguồn nguyên liệu khá dồi dào từ sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản là cơ sở phát triển công nghiệp chế biến.

Vì thế, Mỹ Hào có nhiều thuận lợi để bố trí đất đai cho các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đặc biệt tại các xã có vị trí thuận lợi và quỹ đất nông nghiệp lớn để hình thành các cơ sở công nghiệp như Dị sử và Phùng Chí Kiên.

b) Tiềm năng cho xây dựng và phát triển đô thị

Thị trấn Bần yên Nhân là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của huyện, có vị trí thuận lợi, có tiềm năng kinh tế đa dạng nhưng so với yêu cầu phát triển hiện nay còn nhiều hạn chế về cơ sở hạ tầng. Các công trình văn hóa, thể dục thể thao, giao thông, thủy lợi... có thể mở rộng, nâng cấp và xây mới lấy từ quỹ đất lúa nước và nuôi trồng thủy sản.

c) Tiềm năng cho xây dựng và phát triển khu dân cư nông thôn

Trong tương lai, các khu dân cư nông thôn có thể được phát triển và mở rộng ở những nơi có điều kiện về cơ sở hạ tầng tốt hơn như giao thông, thủy

lợi, điện, nước... thuận lợi cho sản xuất, buôn bán và sinh hoạt. Ngoài ra, cũng cần xây dựng và mở rộng khu dân cư ven đô thị, hình thành các tuyến dân cư để tạo tiền đề cho quá trình đô thị hoá.

1.3.3. Định hướng khu vực phát triển thương mại, dịch vụ

Trong những năm tới, đi liền với phát triển công nghiệp thì các hoạt động dịch vụ thương mại đòi hỏi được tiếp tục đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa ngày càng tăng trong nhân dân (nhất là ở các khu vực thị trấn, thị tứ, cụm công nghiệp...). Ngoài ra, trong giai đoạn này, hệ thống giao thông được nâng cấp, mở rộng. Đây là tiềm năng lớn để huyện đẩy nhanh phát triển các loại hình dịch vụ thương mại, giao thông vận tải, viễn thông... Đất dành cho phát triển dịch vụ có thể bố trí dọc theo các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ. Đặc biệt, cần nâng cấp các chợ, các điểm kinh doanh hiện có, nhanh chóng hình thành các trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp có ý nghĩa toàn huyện như tại Thị trấn, Nhân Hòa, Di sử, Minh Đức... nhằm tăng nhanh lượng hàng hóa lưu thông, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

1. Trong giai đoạn 2018-2020, định hướng tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm (theo giá so sánh năm 2010) là 14,1%.

2. Cơ cấu kinh tế giữa 3 nhóm ngành Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản – Công nghiệp, Xây dựng – Dịch vụ năm 2020 đạt 2% - 68% - 30%;

3. Giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác đến năm 2020 (theo giá hiện hành) 140 triệu đồng/năm;

- Sản lượng lương thực có hạt: 85 nghìn tấn/năm;

4. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 (giá hiện hành) đạt 65 triệu đồng/người/năm.

5. Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 < 3%.

6. Giải quyết việc làm mới mỗi năm 3.500 lao động;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%;

7. Số bác sỹ bình quân/1 vạn dân đến năm 2020 là 4,1 bác sỹ. Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế là 100%; Tỷ lệ hộ dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh đến năm 2020 là 100%;

8. Tỷ lệ số trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt chuẩn mức độ I là 100%,; Tiểu học đạt chuẩn mức độ II là 100%; THCS có 100% đạt chuẩn quốc gia;

9. Tỷ lệ thôn, xóm, phố có nhà văn hóa đạt 95%; Tỷ lệ xã, thị trấn có nhà văn hóa đạt 100%;

10. 100% xã được công nhận nông thôn mới.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Các công trình cấp tỉnh được phân bổ trên địa bàn huyện Mỹ Hào, trong đó:

+ Đất trụ sở cơ quan: với diện tích 21,01 ha, bao gồm 6 công trình: Xây dựng khu trung tâm xã Nhân Hòa, trụ sở viện kiểm sát huyện Mỹ Hào, trụ sở tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào, trụ sở đội thi hành án huyện, trụ sở chi cục thuế huyện và đội quản lý thị trường huyện Mỹ Hào.

+ Đất trụ sở công trình sự nghiệp: với diện tích 8,18 ha, gồm 02 công trình: Đất dự trữ xây dựng công trình sự nghiệp khi huyện lên thị xã, công trình phúc lợi phường Bàn 2.

+ Đất cụm công nghiệp: với diện tích 101,78 ha, gồm 02 công trình: Cụm công nghiệp Dị Sử và cụm công nghiệp Phùng Chí Kiên.

+ Đất khu công nghiệp: với diện tích 718,58 ha, gồm 03 công trình : Khu công nghiệp Minh Quang, khu công nghiệp Minh Đức và mở rộng khu công nghiệp Thăng Long II.

+ Đất quốc phòng: với diện tích 20,26 ha, giữ nguyên vị trí và diện tích các công trình quốc phòng hiện trạng.

+ Đất an ninh: với diện tích 8,28 ha, bao gồm 11 công trình: Cơ sở phòng cháy chữa cháy huyện Mỹ Hào, cơ sở phòng cháy chữa cháy khu công nghiệp Minh Đức, đồn công an khu công nghiệp Minh Quang, kho vật chứng công an huyện Mỹ Hào, trụ sở công an huyện Mỹ Hào và trụ sở công an các xã, thị trấn (TT Bần, Phùng Chí Kiên, Bạch Sam, Nhân Hòa, Minh Đức, Dị Sử)

+ Đất giao thông: với diện tích 966,77 ha với 24 công trình gồm: đường trục bắc nam tỉnh Hưng Yên, đường trục trung tâm khu đô thị phía Nam quốc lộ 5 kéo dài, cải tạo nâng cấp ĐT.387, giao thông thôn xóm xã Bạch Sam, cải tạo nâng cấp đường vào trường Lê Hữu Trác, đường trong khu đô thị Phố Nối, cải tạo đường gom vào thôn Văn Nhuế, công trình kéo dài vỉa hè đường 196 dài truyền thanh đến đường gom, nâng cấp mặt đường giao thông nông thôn xã Phan Đình Phùng, xây dựng đường gom TT Bần Yên Nhân, xây dựng đường trục trung tâm giai đoạn 2, nâng cấp mở rộng đường ĐH.34 kéo dài đến giao điểm quốc lộ 5, cải tạo đường ĐH.33, nâng cấp đường liên xã Xuân Dục, bãi đỗ xe xã Xuân Dục, đường trục trung tâm huyện từ bến xe Mỹ Hào đến Khu công nghiệp phố Nối A, bến bốc xếp vật liệu xây dựng huyện Mỹ Hào, quy hoạch mở rộng các tuyến đường huyện, trục đường giao thông, bến xe khách, đường vào các khu đô thị, giao thông đối nội xã Nhân Hòa, Dị Sử, Phùng Chí Kiên, đất giao thông huyện Mỹ Hào, xây dựng bến xe Mỹ Hào, hạ tầng phân khu A – khu đô thị phía bắc quốc lộ 5 thuộc khu đô thị Phố Nối (Giai đoạn I) 300 ha (đất ở 126,22 ha)(Khu đô thị Hòa Phát, đường nối khu công nghiệp Phố Nối B và khu công nghiệp Minh Đức.

+ Công trình bưu chính, viễn thông: với diện tích 1,16 ha, giữ nguyên vị trí và diện tích hiện trạng.

Bảng 5. Phân khai chỉ tiêu sử dụng đất của huyện Mỹ Hòa*Đơn vị tính: ha*

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân khai của tỉnh	Diện tích cấp Huyện xác định	Tổng diện tích đến năm 2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) + (5)
	Tổng diện tích tự nhiên		7.936,12		7.936,12
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.349,07		3.348,50
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.810,37		2.810,37
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.810,37</i>		<i>2.810,37</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1,03		1,03
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	185,98		130,30
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	347,33		347,33
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,36		59,47
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.587,62		4.587,62
2.1	Đất quốc phòng	CQP	20,26		20,26
2.2	Đất an ninh	CAN	8,28		8,28
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	718,58		817,58
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	101,78		101,78
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	50,53		50,53
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	419,04		465,21
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.976,77		1.930,60
	Đất giao thông	DGT			1.057,12
	Đất thủy lợi	DTL			443,07
	Đất công trình năng lượng	DNL			11,07
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV			1,16
	Đất cơ sở văn hoá	DVH	0,76		0,76
	Đất cơ sở y tế	DYT	13,21		13,21
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	408,71		362,54
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	28,08		28,08
	Đất chợ	DCH			13,59
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	51,29		51,29
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	627,34		627,34
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	251,84		251,84
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	21,01		21,01
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	8,18		8,18
2.13	Đất cơ sở tôn giáo	TON	11,30		11,30

2.14	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	73,12		73,12
2.15	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX			53,13
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH			7,52
2.17	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			13,96
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN			2
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON			72,68
2.20	Đất có mặt nước chuyên dụng	MNC			87,37
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
3	Đất chưa sử dụng	CSD			
4	Đất đô thị	KDT			

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Ngoài các danh mục công trình của cấp tỉnh, nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện cũng rất lớn. Cụ thể:

2.2.2.1. Khu vực nông lâm nghiệp - thủy sản

- Đất lúa 1 vụ: Một số diện tích đất chuyên trồng lúa ở một số xã trong kỳ điều chỉnh chuyển sang đất lúa 1 vụ, bao gồm tổng diện tích 2.810,37 ha (TT Bần 53,51 ha, xã Phan Đình Phùng 455,97 ha, xã Cẩm Xá 467,70 ha, xã Dương Quang 409,81 ha, xã Hòa Phong 440,45 ha, xã Nhân Hòa 74,73 ha, xã Dị Sử 32,51 ha, xã Bạch Sam 197,57 ha, xã Minh Đức 143,41 ha, xã Phùng Chí Kiên 6,39 ha, xã Xuân Dục 172,84 ha, xã Ngọc Lâm 114,70 ha, xã Hưng Long 240,78 ha)).

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 là 39,61 ha, phân bổ ở TT Bần Yên Nhân 4,31 ha, xã Phan Đình Phùng 18,82 ha, xã Cẩm Xá 63,12 ha, xã Dương Quang 40,45 ha, xã Hòa Phong 43,38 ha, xã Minh Đức 11,32 ha, xã Hưng Long 13,80 ha.

- Đất nông nghiệp khác: Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, nhu cầu mở rộng diện tích đất nông nghiệp khác 22 ha, bao gồm 12 công trình gồm các khu chuyển đổi từ đất lúa và đất cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác: xã Phan Đình Phùng 2,70 ha, xã Dị Sử 1,50 ha, xã Bạch Sam 1,60 ha, xã Minh Đức 2 ha, xã Phùng Chí Kiên 1,5 ha, xã Cẩm Xá 2 ha, xã Dương Quang 1,5 ha, xã

Hòa Phong 1 ha, xã Ngọc Lâm 3 ha, xã Nhân Hòa 1,70 ha, xã Hưng Long 1,50 ha, xã Xuân Dục 2 ha.

2.2.2.2. Khu vực thương mại - dịch vụ, phát triển sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp

- Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp

Đến năm 2020, diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp trên địa bàn huyện là 465,21 ha, bao gồm 48 công trình. Diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tập trung phần lớn ở các xã: TT Bần Yên Nhân 56,21 ha, xã Nhân Hòa 34,67 ha, xã Dị Sử 91,46 ha, xã Bạch Sam 59,47 ha, xã Minh Đức 58,81 ha, xã Phùng Chí Kiên 46,51 ha, xã Phan Đình Phùng 27,21 ha.

- Đất thương mại dịch vụ

Đến năm 2020, nhu cầu mở rộng đất thương mại dịch vụ là 49,61 ha. Bao gồm 28 công trình. Diện tích đất thương mại dịch vụ tập trung chủ yếu ở các xã: xã Nhân Hòa 17,27 ha, xã Dị Sử 13,49 ha, xã Phan Đình Phùng 5,61 ha, TT Bần Yên Nhân 5,06 ha, xã Minh Đức 4,60 ha.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Đến năm 2020, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 53,13 ha, tập trung ở các xã: xã Phan Đình Phùng 13,26 ha, xã Dương Quang 27,25 ha, xã Xuân Dục 3,82 ha, xã Cẩm Xá 8,80 ha.

2.2.2.3. Khu vực phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

- Đất giao thông

Nhu cầu mở rộng diện tích đất giao thông đến năm 2020 trên địa bàn huyện là 422,01 ha. Một số công trình đất giao thông lớn: Đường trục bắc nam tỉnh Hưng Yên, đường trục trung tâm khu đô thị phía nam quốc lộ 5 kéo dài, cải tạo nâng cấp đường ĐT.387, đường trục trung tâm huyện giai đoạn 2, đường trục trung tâm huyện từ bến xe Mỹ Hào Khu công nghiệp Phố Nối A,

hạ tầng Phân khu A – khu đô thị phía bắc quốc lộ 5 thuộc Khu đô thị Phố Nối (Giai đoạn 1) 300 ha (đất ở 126,22 ha) (Khu đô thị Hòa Phát).

- Đất thủy lợi

Đến năm 2020, nhu cầu mở rộng diện tích đất thủy lợi trên địa bàn huyện là 49,94 ha, bao gồm các công trình nạo vét tu bổ kênh, trạm bơm, hệ thống công phục vụ thủy lợi nội đồng.

- Đất công trình năng lượng

Đến năm 2020, nhu cầu mở rộng đất công trình năng lượng là 4,66 ha bao gồm các dự án cải tạo và xây dựng hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện Mỹ Hòa.

- Đất cơ sở văn hóa

Nhu cầu mở rộng đất cơ sở văn hóa đến năm 2020 trên địa bàn huyện là 0,50 ha, bao gồm 1 công trình: Nhà tưởng niệm xã Cẩm Xá.

- Đất cơ sở y tế

Đến năm 2020, nhu cầu mở rộng đất cơ sở y tế là 4,98 ha, bao gồm 9 công trình: Trạm y tế các xã (Phùng Chí Kiên, Dị Sử, Cẩm Xá, Hưng Long, Xuân Dục, Minh Đức, Phan Đình Phùng) và mở rộng bệnh vi đa khoa Phố Nối.

- Đất cơ sở giáo dục - đào tạo

Đến năm 2020, nhu cầu mở rộng đất cơ sở giáo dục - đào tạo là 299,83 ha, bao gồm 19 công trình. Chi tiết trong *Biểu Danh mục Các Công Trình*.

- Đất cơ sở thể dục, thể thao

Đến năm 2020, nhu cầu mở rộng đất cơ sở thể dục thể thao là 13,56 ha, phục vụ 11 công trình. Chi tiết trong *Biểu Danh mục Các Công Trình*.

- Đất chợ

Đến năm 2020, nhu cầu mở rộng đất chợ là 7,40 ha, bao gồm 8 công trình. Chi tiết trong *Biểu Danh mục các công trình*.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải

Đến năm 2020, nhu cầu mở rộng đất bãi thải, xử lý chất thải là 36,37 ha,

bao gồm các công trình: Nhà máy xử lý chất thải xã Cẩm Xá 4,70 ha, bãi tập kết rác thải xã Hòa Phong 10 ha, 3 cơ sở tái chế rác với tổng diện tích là 1,54 ha ở xã Cẩm Xá, 2 điểm tập kết rác thải xã Xuân Dục 0,43 ha, Lò đốt rác xã Dị Sử 2 ha và nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt xã Dị Sử 16,20 ha.

- Đất làm nghĩa trang nghĩa địa

Đến năm 2020, nhu cầu mở rộng đất làm nghĩa trang nghĩa địa là 5,03 ha, gồm 3 công trình: Nghĩa trang thôn Hòa Đàm xã Hòa Phong 1,50 ha, nghĩa trang xã Hòa Phong 0,53 ha, nghĩa trang huyện Mỹ Hào 8,77 ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng

Đến năm 2020, nhu cầu mở rộng đất sinh hoạt cộng đồng là 1,17 ha, bao gồm 5 công trình. Chi tiết trong *Biểu Danh mục Các Công Trình*.

2.2.2.4. Khu vực phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn

Định hướng đến năm 2020 nhu cầu mở rộng đất ở đô thị của huyện Mỹ Hào là 183,32 ha. Đến năm 2020, nhu cầu mở rộng đất ở nông thôn trên địa bàn huyện là 44,27 ha.

2.2.2.5. Khu vực phát triển các công trình danh lam, thắng cảnh, tôn giáo, tín ngưỡng

Đến năm 2020, diện tích đất di tích lịch sử của huyện Mỹ Hào là 11,64 ha, diện tích đất tôn giáo là 11,30 ha, diện tích đất tín ngưỡng là 2 ha.

2.2.3. Tổng hợp cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất(2020)

a) Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp của huyện đến năm 2020 là 3348,50 ha, chiếm 42,19% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

- Đất trồng lúa:

+ Trong kỳ điều chỉnh, đất trồng lúa giảm 1.190,03 ha, do chuyển sang các loại đất: đất nông nghiệp khác 20,61 ha, đất an ninh 5,09 ha, đất khu công nghiệp 213,33 ha, đất cụm công nghiệp 47,23 ha, đất thương mại dịch vụ 34,24 ha, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 50,40 ha, đất giao thông

362,83 ha, đất thủy lợi 43,58 ha, đất văn hóa 0,5 ha, đất y tế 4,75 ha, đất giáo dục 217,87 ha, đất thể dục thể thao 12,96 ha, đất năng lượng 4,29 ha, đất chợ 5,29 ha, đất di tích lịch sử 4,84 ha, đất rác 25,34 ha, đất ở nông thôn 21,78 ha, đất ở đô thị 58,34 ha, đất trụ sở cơ quan 6,55 ha, đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp 8,18 ha, đất tôn giáo 0,49 ha, đất nghĩa trang nghĩa địa 10,03 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng 19,52 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 5,84 ha, đất khu vui chơi 11,16 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất trồng lúa là 2.810,37 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh, chiếm 35,41% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất trồng cây hàng năm khác:

+ Trong kỳ điều chỉnh, đất trồng cây hàng năm khác giảm 12,81 ha, do chuyển sang các loại đất: đất nông nghiệp khác 1,39 ha, đất khu công nghiệp 8,17 ha, đất ở nông thôn 3,1 ha, đất ở đô thị 0,15 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 1,03 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên

- Đất trồng cây lâu năm:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, diện tích đất trồng cây lâu năm có chuyển giảm 358,25 ha, do chuyển sang các loại đất: đất an ninh 2,5 ha, đất khu công nghiệp 84,23 ha, đất cụm công nghiệp 23ha, đất giao thông 99,06 ha, đất thủy lợi 98,91 ha, đất giáo dục 42,37 ha, đất ở đô thị 8,18 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện là 130,3 ha, chiếm 1,64% tổng diện tích đất tự nhiên

- Đất nuôi trồng thủy sản:

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 47,57 ha do chuyển sang đất: đất khu công nghiệp 40,62ha, đất thương mại dịch vụ 0,78 ha, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,92 ha, đất giao thông 0,5 ha, đất thủy lợi 0,19 ha, đất y tế 0,23 ha, đất giáo dục 0,31 ha, đất thể thao 0,4 ha, đất chợ 0,23 ha, đất rác

1,64 ha, đất ở nông thôn 0,19 ha, đất ở đô thị 0,23 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,33 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 347,33 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 4,38% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất nông nghiệp khác:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất nông nghiệp khác tăng 22 ha do: đất trồng lúa chuyển sang 20,61 ha và đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 1,39 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp khác là 59,47 ha, chiếm 0,75% tổng diện tích đất tự nhiên.

b) Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp của huyện đến năm 2020 là 4.587,62 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 57,81% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

- Đất quốc phòng:

+ Trong giai đoạn điều chỉnh, diện tích đất quốc phòng là 20,26 ha và giữ nguyên so với hiện trạng, phù hợp với chỉ tiêu phân khai của tỉnh, chiếm 0,26% diện tích tự nhiên

- Đất an ninh:

+ Trong kỳ điều chỉnh, đất an ninh tăng 7,74ha: do chuyển từ đất trồng lúa sang 5,09ha; từ cây lâu năm sang 2,5 ha và đất thủy lợi sang 0,15 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất an ninh là 8,28 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 0,1% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất khu công nghiệp:

+ Trong kỳ điều chỉnh, đất khu công nghiệp tăng 470,1ha: Do chuyển từ đất trồng lúa sang 213,33ha; chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang 8,17 ha; đất cây lâu năm sang 84,23 ha; đất nuôi trồng thủy sản sang 40,62 ha;

đất hạ tầng sang 49,3 ha, đất nghĩa trang chuyển sang 0,91 ha, đất có mặt nước chuyên dùng chuyển sang 1,54 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất khu công nghiệp là 718,58 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 9,05% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất cụm công nghiệp:

+ Trong giai đoạn điều chỉnh, đất cụm công nghiệp tăng 77 ha: do chuyển từ đất trồng lúa sang 47,23 ha; chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 23 ha; đất hạ tầng sang 6,77 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất cụm công nghiệp là 101,78 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 1,28% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất thương mại, dịch vụ:

+ Trong giai đoạn điều chỉnh, đất thương mại dịch vụ tăng 41,69 ha: đất trồng lúa sang 34,24 ha, đất nuôi trồng thủy sản sang 0,78 ha, đất hạ tầng sang 4,41 ha, đất ở đô thị sang 1,3 ha, đất nghĩa trang nghĩa địa sang 0,31 ha, đất có mặt nước chuyên dùng sang 0,65 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 50,53 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 0,64% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

+ Trong kỳ điều chỉnh, đất cơ sở sản xuất kinh doanh tăng 60,91 ha do: đất trồng lúa sang 50,40 ha, đất nuôi trồng thủy sản sang 1,92 ha, đất hạ tầng sang 6,57 ha, đất có mặt nước chuyên dùng sang 2,02 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh là 465,21 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 5,86% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất phát triển hạ tầng:

Đến năm 2020, diện tích đất phát triển hạ tầng là 1.930,60 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 24,33% tổng diện tích đất tự nhiên. Cụ thể:

+ Đất giao thông

++ Trong kỳ điều chỉnh, đất giao thông có chu chuyển tăng 513,89 ha, do: đất trồng lúa chuyển sang 362,83ha, đất trồng cây lâu năm sang 99,06ha, đất nuôi trồng thủy sản sang 0,5ha, đất thủy lợi sang 20,72ha, đất nghĩa trang sang 0,29ha, đất có mặt nước chuyên dùng sang 30,49 ha.

++ Cũng trong giai đoạn này, đất giao thông có chu chuyển giảm 88,28ha, do: sang đất khu công nghiệp 26,95 ha, sang đất cụm công nghiệp 3,17 ha, sang đất thương mại dịch vụ 2,57 ha, sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 3,28 ha, sang đất giáo dục 19,8 ha, sang đất thể thao 0,10 ha, sang đất di tích 0,80 ha, sang đất rác 1,57 ha, sang đất ở nông thôn 2,15 ha, sang đất ở đô thị 26,08 ha, sang đất tôn giáo 0,01 ha, sang đất nghĩa địa 0,50 ha, sang đất khu vui chơi 1,30 ha.

++ Đến năm 2020, đất giao thông của huyện là 1.057,12 ha, chiếm 13,32% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Đất thủy lợi

++ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất thủy lợi có chu chuyển tăng 157,68, do: đất trồng lúa sang 43,58 ha, đất trồng cây lâu năm sang 98,91 ha, đất nuôi trồng thủy sản sang 0,19 ha, đất có mặt nước chuyên dùng sang 15 ha.

++ Cũng trong giai đoạn này, đất thủy lợi có chu chuyển giảm 98,65 ha do: sang đất an ninh 0,15 ha, sang đất khu công nghiệp 22,35 ha, sang đất cụm công nghiệp 3,60 ha, sang đất thương mại dịch vụ 1,84 ha, sang đất sản xuất kinh doanh 3,29 ha, sang đất giao thông 20,72 ha, sang đất giáo dục 19,43 ha, sang đất thể thao 0,1 ha, sang đất rác 2,12 ha, sang đất ở nông thôn 2,31 ha, sang đất ở đô thị 20,97 ha, sang đất nghĩa địa 0,27 ha và sang đất khu vui chơi 1,50 ha.

++ Đến năm 2020, đất thủy lợi có diện tích 443,07 ha, chiếm 5,58% diện tích tự nhiên

+ Đất công trình năng lượng

++ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất công trình năng lượng có chu chuyển tăng 4,29ha do chuyển từ đất lúa sang.

++ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất năng lượng có chu chuyển giảm 0,01 do chuyển sang đất ở đô thị.

++ Đến năm 2020 đất công trình năng lượng có diện tích 11,07 ha, chiếm 0,14% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông

++ Trong kỳ điều chỉnh, đất công trình bưu chính viễn thông tăng 2,04ha, chuyển từ đất lúa sang

++ Đến năm 2020, đất công trình bưu chính viễn thông có diện tích 1,16 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Đất cơ sở văn hóa

++ Trong giai đoạn điều chỉnh, đất cơ sở văn hóa tăng 0,50 ha do chuyển từ đất trồng lúa sang.

++ Đến năm 2020, đất cơ sở văn hóa có diện tích 0,76 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Đất cơ sở y tế

++ Trong kỳ điều chỉnh, đất cơ sở y tế tăng 4,98 ha, do chuyển từ đất lúa sang 4,75 ha; đất nuôi trồng thủy sản sang 0,23 ha;

++ Đến năm 2020, đất cơ sở y tế có diện tích 13,21 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 0,17% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Đất cơ sở giáo dục, đào tạo

++ Trong giai đoạn điều chỉnh, đất cơ sở giáo dục đào tạo tăng 299,93 ha, do chuyển từ đất trồng lúa sang 217,87 ha; chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 42,37 ha; chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản sang 0,31 ha; đất giao thông sang 19,80 ha, đất thủy lợi sang 19,43 ha, đất có mặt nước chuyên dùng sang 0,15 ha..

++ Đất cơ sở giáo dục, đào tạo có chu chuyển giảm 0,1 ha do chuyển sang đất ở nông thôn.

++ Đến năm 2020, đất cơ sở giáo dục đào tạo có diện tích 362,54 ha, chiếm 4,57% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Đất cơ sở thể dục, thể thao

++ Trong giai đoạn điều chỉnh, đất cơ sở thể dục thể thao tăng 13,56ha. do chuyển từ đất trồng lúa sang 12,96 ha; đất nuôi trồng thủy sản sang 0,40 ha, đất hạ tầng sang 0,20 ha.

++ Đến năm 2020, đất cơ sở thể dục thể thao có diện tích 28,08 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 0,35% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Đất chợ

++ Trong kỳ điều chỉnh, đất chợ tăng 5,52 ha, do chuyển từ đất trồng lúa sang 5,29 ha; chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản sang 0,23 ha..

++ Đến năm 2020, đất chợ có diện tích 13,59 ha, chiếm 0,17% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải:

+ Trong kỳ điều chỉnh, đất bãi thải, xử lý chất thải tăng 34,87 ha: chuyển từ đất trồng lúa sang 25,34 ha; chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản sang 1,64 ha, đất hạ tầng sang 3,69 ha, đất nghĩa địa sang 4,20 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 51,29 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 0,65% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất ở nông thôn:

+ Trong kỳ điều chỉnh, đất ở nông thôn có chu chuyển tăng 29,76ha, do: đất trồng lúa sang 21,78 ha, đất trồng cây hàng năm khác sang 3,10 ha, đất nuôi trồng thủy sản sang 0,19 ha, đất hạ tầng sang 4,56 ha, đất có mặt nước chuyên dùng sang 0,13 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất ở nông thôn là 627,34 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 7,90% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất ở đô thị:

+ Trong kỳ điều chỉnh, đất ở đô thị có chu chuyển tăng 114,08 ha, do:

đất trồng lúa sang 58,34 ha, đất trồng cây hàng năm khác sang 0,15 ha, đất trồng cây lâu năm sang 8,18 ha, đất nuôi trồng thủy sản sang 0,23 ha, đất hạ tầng sang 47,06 ha, đất nghĩa địa sang 0,05 ha, đất có mặt nước chuyên dùng sang 0,07 ha.

+ Cũng trong giai đoạn này, đất ở đô thị có chu chuyển giảm 1,30 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ.

+ Đến năm 2020, diện tích đất ở đô thị là 251,84 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 3,17% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 6,55ha, do chuyển từ đất trồng lúa sang.

+ Đến năm 2020, đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích 21,01 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 0,26% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp tăng 8,18 ha: chuyển từ đất trồng lúa sang.

+ Đến năm 2020, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có diện tích 8,18 ha, chiếm 0,10% diện tích tự nhiên, phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh.

- Đất cơ sở tôn giáo:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất cơ sở tôn giáo tăng 0,49 ha: chuyển từ đất trồng lúa sang 0,48 ha; chuyển từ đất giao thông sang 0,01 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất cơ sở tôn giáo là 11,30 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 0,14% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất nghĩa trang nghĩa địa tăng 10,80ha do chuyển từ đất trồng lúa sang 10,03 ha; chuyển từ đất hạ tầng sang 0,77 ha.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa có chu chuyển giảm 5,76 ha do: sang đất khu công nghiệp 0,91 ha, sang đất thương mại dịch vụ 0,31 ha, sang đất giao thông 0,29 ha, sang đất rác 4,20 ha, sang đất ở đô thị 0,05 ha.

+ Đến năm 2020, diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa là 73,12 ha (phù hợp với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh), chiếm 0,92% tổng diện tích

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất sản xuất vật liệu xây dựng tăng 19,52 ha do chuyển từ đất trồng lúa sang.

+ Đến năm 2020 diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng là 53,13 ha, chiếm 0,67% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất sinh hoạt cộng đồng:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất sinh hoạt cộng đồng tăng 1,17 ha: chuyển từ đất trồng lúa sang 0,84 ha; chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản sang 0,33 ha.

+ Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng đến năm 2020 là 7,52 ha, chiếm 0,09% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 13,96 ha, do: đất trồng lúa sang 11,16 ha, đất hạ tầng sang 2,80 ha.

+ Đến năm 2020, đất khu vui chơi, giải trí công cộng có diện tích là 13,96 ha, chiếm 0,18% diện tích tự nhiên.

- Đất cơ sở tín ngưỡng:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất cơ sở tín ngưỡng không có biến động.

+ Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng đến năm 2020 là 2ha, chiếm 0,03% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất sông, ngòi, kênh:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất sông, ngòi, kênh không có biến động.

+ Đất sông, ngòi đến năm 2020 có diện tích là 72,68 ha, chiếm 0,92% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất có mặt nước chuyên dụng:

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất có mặt nước chuyên dụng giảm 50,05 ha do: chuyển sang đất khu công nghiệp 1,54 ha, chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,65 ha, chuyển sang đất giao thông 30,49 ha, chuyển sang đất thủy lợi 15 ha, chuyển sang đất giao dục 0,15 ha, chuyển sang đất ở nông thôn 0,13 ha, chuyển sang đất ở đô thị 0,07 ha.

+ Diện tích đất có mặt nước chuyên dụng đến năm 2020 có diện tích là 87,37 ha, chiếm 1,10% tổng diện tích tự nhiên.

c) Đất chưa sử dụng

+ Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất chưa sử dụng giảm 1,59 ha do chuyển sang đất trồng cây lâu năm.

+ Đến năm 2020, không còn đất chưa sử dụng.

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng, phân tích theo danh mục

2.3.1. Khu vực sản xuất nông nghiệp

Đến năm 2020 dự kiến khu sản xuất nông nghiệp có diện tích 3.348,64 ha.

- Đối với đất trồng lúa: Đến năm 2020, dự kiến diện tích đất trồng lúa ở huyện Mỹ Hào là 2.810,37 ha. Diện tích đất lúa, phân bố rải rác khắp các xã, thị trấn trong toàn huyện. Trong đó: nhiều nhất là xã Phan Đình Phùng 455,97 ha, xã Cẩm Xá 467,70 ha, xã Dương Quang 409,81 ha....

- Đối với đất trồng cây hàng năm: Đến năm 2020, dự kiến diện tích đất trồng cây hàng năm huyện Mỹ Hào là 1,03 ha. Các loại rau, màu tập trung nhiều ở xã Hòa Phong.

- Đối với đất trồng cây lâu năm: Đến năm 2020, dự kiến diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện là 130.44 ha, được trồng phân tán, rải rác ở các xã, tại các hộ gia đình. Trong đó, tập trung nhiều ở xã Phan Đình Phùng 21,70 ha, xã Hòa Phong 25,57 ha, xã Cẩm Xá 21.06 ha...

- Tiềm năng đất đai cho sản xuất nông nghiệp của huyện còn là việc khai thác có hiệu quả theo hướng đầu tư thâm canh nâng cao hiệu quả diện tích đất sản xuất nông nghiệp hiện có bằng các biện pháp khoa học kỹ thuật, đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ nâng cao hệ số sử dụng đất canh tác, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm.

2.3.4. Khu vực phát triển thương mại, dịch vụ

Đến năm 2020, diện tích đất thương mại dịch vụ của huyện Mỹ Hào có 50,53 ha và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 465,21 ha. Tập trung chủ yếu ở TT Bần, xã Phan Đình Phùng, xã Cẩm Xá, xã Nhân Hòa, xã Dị Sử, xã Minh Đức, xã Xuân Dục...

2.3.5. Khu vực phục vụ phát triển khu, cụm công nghiệp

Phát triển các cụm công nghiệp đảm bảo sử dụng đúng mục đích quỹ đất đã thu hồi, đến năm 2020, diện tích đất cụm công nghiệp toàn huyện Mỹ Hào có 101,78 ha. Cụ thể như sau:

- Cụm công nghiệp xã Dị Sử : 51,78 ha
- Cụm công nghiệp xã Phùng Chí Kiên: 50 ha

Phát triển các khu công nghiệp đảm bảo sử dụng đúng mục đích quỹ đất đã thu hồi, đến năm 2020, diện tích đất khu công nghiệp toàn huyện Mỹ Hào có 718,58 ha, tăng 398,10ha. Cụ thể diện tích tăng như sau:

- Khu công nghiệp Minh Quang 153,78 ha
- Khu công nghiệp Minh Đức 158,24 ha
- Mở rộng khu công nghiệp Thăng Long II 86,08

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Phương án điều chỉnh quy hoạch đã xác định rõ cơ cấu diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đến năm 2020, theo đó cũng tạo ra nguồn

thu từ đất cho ngân sách địa phương từ việc giao đất, cho thuê đất. Đồng thời cũng thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trong phương án điều chỉnh quy hoạch đã xác định được các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho những đối tượng được nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện.

Căn cứ vào Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính Phủ Quy định về Giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính Phủ Quy định về Thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính Phủ Quy định về Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ Quy định về Bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Căn cứ Quyết định về việc phê duyệt bảng giá đất nông nghiệp huyện Mỹ Hào trong bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên 2015-2019.

Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mỹ Hào đã dự tính nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 6.381,87 tỷ đồng. Các khoản chi phí cho việc bồi thường khi thu hồi đất là 5.129,96 tỷ đồng. Hiệu quả kinh tế đất của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất trên cơ sở cân đối thu - chi từ đất đạt 1.251,91 tỷ đồng.

3.2. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Theo phương án điều chỉnh quy hoạch, khu vực đô thị, đất ở đô thị sẽ được chỉnh trang, mở rộng. Khu vực nông thôn cũng được bố trí quỹ đất ở mới theo quy mô phát triển dân số của huyện Mỹ Hào đến năm 2020.

- Theo phương án điều chỉnh, diện tích đất nông nghiệp phải chuyển đổi mục đích sang đất phi nông nghiệp là 1.822,39 ha, trong đó: đất trồng lúa 1.402,34 ha, đất trồng cây hàng năm khác 11,42 ha; đất trồng cây lâu năm 359,75ha, đất nuôi trồng thủy sản 48,88 ha;

Tuy nhiên, phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã cân nhắc để chuyển đổi đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp tại các vị trí thích hợp, tránh tình trạng sử dụng lãng phí phần diện tích đất nông nghiệp có hiệu quả cao, là tư liệu sản xuất quan trọng và quý giá nhất của lao động nông nghiệp, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực lớn đến hàng nghìn lao động nông thôn trên địa bàn huyện Mỹ Hòa.

- Mặt khác, cũng bố trí hợp lý quỹ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp nhằm thu hút các doanh nghiệp tại nông thôn với quy mô sản xuất lớn nhằm khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ từ đó thúc đẩy được quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn nói chung và các hộ dân thuộc diện thu hồi đất nói riêng. Nâng giá trị sử dụng của đất lên gấp nhiều lần, tạo những ngành nghề và việc làm mới, nâng cao giá trị lao động và cải thiện đời sống của một bộ phận đáng kể các hộ nông dân thuộc diện bị thu hồi đất.

- Đồng thời, với chủ trương huyện tăng cường thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào huyện đặc biệt là các cụm công nghiệp, phương án điều chỉnh quy hoạch cũng đã bố trí quỹ đất để phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn huyện nhằm đáp ứng nhu cầu về đất cho lĩnh vực phát triển công nghiệp, đô thị. Đây cũng là một trong những giải pháp tạo ra nhiều công ăn việc làm cho nhân dân trong huyện nói chung và người dân bị thu hồi đất nói riêng.

- Bên cạnh đó phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã phân nào tháo gỡ được một số khó khăn vướng mắc sau:

+ Tạo ra nguồn kinh phí để chi trả bồi thường, tránh tình trạng do khó khăn về nguồn kinh phí, nên nhiều dự án chi trả tiền bồi thường kéo dài, dẫn đến phát sinh những vướng mắc khi chính sách bồi thường thay đổi, phát sinh khối lượng.

+ Bố trí hợp lý quỹ đất ở, đáp ứng đủ quỹ đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng

kỹ thuật, hạ tầng xã hội (*điện, nước, giao thông, trường học, nhà văn hóa...*) thuận lợi trong việc chuyển đổi nghề, tạo việc làm mới và tăng thu nhập.

3.3. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng đảm bảo an ninh lương thực

Năm 2017, diện tích đất lúa 4.110,89 ha tập trung các xã. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt cao, trồng trọt và chăn nuôi tăng nhanh. Trồng trọt từng bước chuyển dịch theo hướng hàng hóa, hiệu quả kinh tế cao, ứng dụng khâu làm giống, bảo quản và chế biến sau thu hoạch. Năng suất bình quân 63 tạ/ha. Xã trồng các giống Bắc Thơm, Nếp Thơm tại Bạch Sam và Hòa Phong.

3.3. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Thị trấn Bàn Yên Nhân là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của huyện, có vị trí thuận lợi, có tiềm năng kinh tế đa dạng nhưng so với yêu cầu phát triển hiện nay còn nhiều hạn chế về cơ sở hạ tầng. Các công trình văn hóa, thể dục thể thao, giao thông, thủy lợi... có thể mở rộng, nâng cấp và xây mới lấy từ quỹ đất lúa nước và nuôi trồng thủy sản.

Ngoài ra, trong những năm tới, để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Các thị tứ, khu dân cư dịch vụ quanh các cơ sở công nghiệp cũng có xu hướng được mở rộng.

3.4. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên

Phương án điều chỉnh quy hoạch đã xác định rõ tiềm năng các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn. Tài nguyên đất được khai thác sử dụng hợp lý trên cơ sở ưu tiên bảo vệ các loại đất tốt cho sản xuất nông, lâm nghiệp, đặc biệt là đất trồng lúa, rau màu, cây lâu năm trên các chân đất có độ phì khá.

PHẦN III

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ HẠO, TỈNH HƯNG YÊN

3.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

3.1.1. Tăng cường các biện pháp kỹ thuật canh tác theo hướng đầu tư chiều sâu gắn với bảo vệ môi trường sinh thái

Đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ theo hướng tăng hiệu quả và tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật như giống, công nghệ sinh học, biện pháp phòng trừ dịch bệnh tổng hợp, chuyển đổi diện tích đất trồng lúa ở những khu vực có hiệu quả thấp, phát triển mở rộng diện tích đất chuyên màu, đất nuôi trồng thủy sản và đất dành cho phát triển chăn nuôi tập trung. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng đa dạng, nâng cao năng suất, chất lượng và phù hợp với điều kiện phát triển của huyện và nhu cầu thị trường.

3.1.2. Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông

Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác khuyến nông tại các địa phương kể cả về kiến thức chuyên môn, kiến thức xã hội và kiến thức về kinh tế thị trường để truyền đạt cho nông dân một cách có hiệu quả nhất.

Lồng ghép dự án (trong nước cũng như nước ngoài), tạo cơ hội cho cán bộ khuyến nông, nhất là cơ sở tiếp xúc thường xuyên với chuyên gia trong và ngoài nước, giúp cán bộ cơ sở được nâng cao trình độ, ngoại ngữ.

Nâng cao thù lao vật chất cho khuyến nông viên cơ sở (tại xã, thôn), so với mức thù lao hiện tại bảo đảm ổn định đời sống, thưởng theo kết quả hoạt động khuyến nông trên địa bàn phụ trách.

Nội dung hoạt động khuyến nông phải hướng vào mục tiêu nâng cao

nhận thức về sản xuất nông nghiệp hàng hóa, tư duy thị trường, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, không chỉ đơn thuần chuyển giao kỹ thuật.

Bên cạnh sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng truyền thống như phát thanh, truyền hình, tờ rơi, phải ứng dụng rộng rãi tin học vào hoạt động khuyến nông để người dân tiếp cận với phương tiện thông tin theo hướng hiện đại (internet) tăng lượng thông tin TBKT, tiết kiệm chi phí.

3.1.3. *Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ*

+ Cần có những chế độ đãi ngộ cụ thể để thu hút các cán bộ kỹ thuật, nhất là trình độ chuyên môn cao trở về công tác tại các vùng nông thôn tham gia trực tiếp chỉ đạo sản xuất (như hợp đồng dài hạn, tăng lương, tăng phụ cấp, tạo điều kiện làm việc, cho đi học nâng cao trình độ...). Đầu tư cho công tác đào tạo, tập huấn cán bộ và người sản xuất ở nông thôn.

+ Tăng cường hấp thụ vốn thông qua kênh khoa học công nghệ để xây dựng, phát triển mô hình mới bằng việc chủ động đề xuất các đề tài nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn giải quyết những vấn đề bức xúc có tính khả thi cao đối với từng tiểu vùng như nhân giống cây trồng thích hợp từng loại đất để bố trí cơ cấu mùa vụ gắn nghiên cứu kỹ thuật với đối tượng cây trồng vật nuôi, địa bàn cụ thể để người dân trực tiếp tham gia phát huy sáng kiến, có đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm.

+ Nghiên cứu đề tài ứng dụng thiết thực với địa phương...

3.1.4. *Giám sát và đánh giá môi trường*

Giám sát kỹ phần đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các doanh nghiệp sản xuất có yếu tố có thể gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục. Giám sát chặt chẽ các điểm dịch vụ tập trung trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải có hệ thống kết cấu xử lý chất thải

đạt tiêu chuẩn, phải có khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư.

Tăng cường phối hợp các ngành, các cơ quan chuyên môn trong việc thực thi pháp luật môi trường. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật để các hộ sản xuất, kinh doanh dịch vụ và nhân dân nắm bắt, từ đó nghiêm túc thực hiện quy định.

Tăng cường phối hợp thực hiện công tác giám sát việc chấp hành các quy định về BVMT đối với các cơ sở, doanh nghiệp nằm xen kẽ trong khu dân cư; nghiêm cấm không được xả nước, chất thải chưa qua xử lý ra môi trường; kịp thời xử lý vi phạm nhằm hạn chế tối đa tình trạng ô nhiễm môi trường do các cơ sở này gây ra. Không hình thành mới các cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao hoặc có công đoạn sản xuất gây ô nhiễm môi trường tại các khu vực đông dân cư nông thôn.

3.2. Giải pháp về cơ chế chính sách

3.2.1. Chính sách về đất đai

- Tiếp tục cụ thể hóa các điều khoản của Luật Đất đai, các văn bản của tỉnh phục vụ cho quá trình quản lý và sử dụng đất.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Có chính sách cải tạo đất chưa sử dụng để mở rộng diện tích đất nông nghiệp nhằm tăng diện tích đất sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường sinh thái.

3.2.2. Những chính sách nhằm bảo vệ và phát triển quỹ đất nông nghiệp

- Hạn chế việc chuyển đổi đất lúa khu vực có hiệu quả cao sang các mục đích khác, đặc biệt là đất phi nông nghiệp.
- Khuyến khích nông dân giữ đất lúa với những chính sách như: hỗ trợ về giá, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khác, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người sản xuất.
- Thiết lập hệ thống cơ sở bảo quản, chế biến với chất lượng quản lý tiên tiến; thành lập mạng lưới thu mua, hỗ trợ và bình ổn giá.

- Tiếp tục giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn, đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp.

- Khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

3.2.3. Chính sách sử dụng hợp lý các loại đất mang tính chất đặc thù

- Chính sách ưu tiên dành đất cho những nhu cầu đặc biệt có tính bắt buộc về an ninh, quốc phòng.

- Chính sách khuyến khích sử dụng tiết kiệm diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa bằng cách quy tập và quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa.

- Chính sách chuyển các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu dân cư vào các cụm công nghiệp...

3.2.4. Chính sách về ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ và duy trì cải thiện môi trường trong việc khai thác sử dụng đất đai

- Chính sách khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong phát triển nông nghiệp.

- Chính sách ưu tiên để đón trước các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong đầu tư xây dựng cơ bản (cơ sở hạ tầng, công nghiệp, đô thị).

- Chính sách xử phạt những hành vi gây tổn hại đến đất đai, môi trường.

3.2.5. Chính sách ưu đãi

- Tạo mọi điều kiện về thủ tục, về những điều kiện có thể đảm bảo nhằm có thể thu hút vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính sách ưu tiên đầu tư và ưu đãi cho vùng khó khăn về cơ sở hạ tầng, về khoa học kỹ thuật... để nâng cao đời sống nhân dân và làm cho nhân dân có trách nhiệm trong việc khai thác có hiệu quả và bảo vệ đất đai.

- Chấp hành tốt các chính sách ưu tiên ưu đãi đối với người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách xã hội khác.

- Ưu tiên những cán bộ, công nhân có trình độ chuyên môn, tay nghề

cao để thu hút nguồn nhân lực này góp phần vào xây dựng phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

- Tiếp tục cập nhật những thông tin mới nhất về đất đai để điều chỉnh bổ sung, nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả thực tiễn cao của phương án quy hoạch, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3.2.6. Chính sách tạo nguồn vốn từ đất để đầu tư trở lại

- Nguồn thu từ đất được sử dụng một phần thỏa đáng để nhằm cải tạo đất, điều tra, đánh giá phân loại đất đai.

- Rà soát, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất. Tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu.

- Mọi đối tượng thuê đất đều phải nộp tiền thuê đất đầy đủ, đúng thời gian nếu không có lý do chính đáng được các cấp có thẩm quyền cho phép.

- Rà soát lại việc sử dụng đất của các đơn vị, tổ chức không phải thuê đất để có kế hoạch sử dụng, tránh lãng phí về đất đai.

3.3. Tăng cường cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp nông thôn

Kết hợp với chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng, hoàn thiện các công trình phục vụ sản xuất như thủy lợi, giao thông nội đồng, điện theo quy hoạch.

Thủy lợi là biện pháp không thể thiếu được để mở rộng diện tích thâm canh sản xuất các loại cây trồng. Trong giai đoạn tới, huyện cần đầu tư hạ tầng ngành công nghiệp chế biến nông nghiệp, thủy sản. Nông nghiệp hàng hoá phát triển đòi hỏi phải gắn với công nghiệp chế biến để đảm bảo đầu ra có chất lượng cao. Các sản phẩm nông nghiệp đã qua chế biến sẽ mang lại giá trị

kinh tế cao hơn các sản phẩm thô, sơ chế. Đồng thời, khi có công nghệ, kỹ thuật cao, các loại nông sản sẽ được bảo quản tốt. Vì vậy, trong giai đoạn tới, huyện cần hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến trong việc tổ chức các vùng sản xuất nguyên liệu theo quy mô công nghiệp, cải tạo và sử dụng các loại giống mới, đầu tư thâm canh để nâng cao sản lượng cây trồng, phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, bán công nghiệp, công nghiệp.

3.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước về đất đai. Bố trí, sắp xếp cán bộ phù hợp với năng lực và chuyên môn được đào tạo. Xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực tốt.

Xây dựng giải pháp nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và quy hoạch sử dụng đất để có đủ khả năng thực hiện việc lập, giám sát, thanh kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Bổ sung đủ nhân sự có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý để thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Riêng với lực lượng cán bộ tài nguyên - môi trường cấp xã, cần có chính sách ổn định để tăng tính chuyên nghiệp, hạn chế tình trạng biến động lớn như hiện nay.

Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai – môi trường cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch.

Vấn đề đào tạo nghề cho người nông dân cần được chú trọng. Đào tạo nghề cho người dân theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa và gắn với xã hội hóa.

3.5. Giải pháp tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mỹ Hòa

- Trên cơ sở phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được UBND tỉnh xét duyệt, tiến hành tổ chức thông báo công khai, rộng rãi phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến các Ban ngành, tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong huyện biết để thực hiện theo đúng quy hoạch, kế hoạch và quy định của Luật đất đai.

- Chỉ đạo thực hiện đồng bộ và thường xuyên các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai ở tất cả các xã và các ngành trên địa bàn huyện. Triển khai thực hiện việc quản lý đất đai, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo đúng thẩm quyền và căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt theo đúng quy định hiện hành.

- Tăng cường triển khai công tác kiểm tra, thanh tra việc sử dụng đất, bảo vệ môi trường và việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch của huyện nhằm giám sát hoạt động của hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; khắc phục các nhược điểm hiện có và nâng cao chất lượng triển khai.

- Tăng cường sự phối hợp giữa kế hoạch phát triển kinh tế, phát triển đô thị, đầu tư hạ tầng với sử dụng đất để nâng cao tính thực tiễn, hiệu quả sử dụng đất. Đưa các chỉ tiêu sử dụng đất vào hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Đầu tư đồng bộ kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng với phát triển đô thị, ưu tiên dành đất cho các nhu cầu bắt buộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất bền vững.

- Cần có các chính sách ưu tiên để tạo sức thu hút phát triển công nghiệp, các ngành dịch vụ, du lịch, các chính sách đền bù thỏa đáng, kịp thời đối với đất đai cần thu hồi.

- Ưu tiên bố trí quỹ đất tái định cư cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất và

đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển ổn định đời sống cho nhân dân.

- Cần có kế hoạch cụ thể, giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn, đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp khi bị thu hồi đất sản xuất

- Khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên toàn huyện theo nguyên tắc: tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Mỹ Hào là một trong 10 huyện, thị của tỉnh Hưng Yên, nằm trên trục đường quốc lộ 5A. Toàn huyện có 12 xã và 1 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên là 79,36 km², đất đai bằng phẳng lại gần các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của Hưng Yên nên huyện Mỹ Hào có điều kiện để phát huy tiềm năng đất đai và các nguồn lực khác nhằm phát triển kinh tế - xã hội.

2. Trong những năm qua, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Mỹ Hào là cơ sở để quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai theo quy hoạch và pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay, yêu cầu sử dụng đất để đáp ứng phát triển các ngành, lĩnh vực từ nay đến 2020 trên địa bàn huyện có những thay đổi mà quy hoạch chưa thể hiện rõ. Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mỹ Hào là cần thiết nhằm đáp ứng các nhu cầu sử dụng đất mới nảy sinh, phục vụ công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phương án điều chỉnh quy hoạch được xây dựng trên phương pháp luận về điều chỉnh quy hoạch đất đai cấp huyện do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn đồng thời đã dựa vào nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các xã, thị trấn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện Mỹ Hào là căn cứ để điều chỉnh phân bố lại dân cư, lao động, khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất, lao động trên từng địa bàn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư.

Như vậy, phương án, lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến 2020 của huyện Mỹ Hào đã đảm bảo tính hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương trong toàn huyện phù hợp với xu thế phát triển chung của tỉnh. Đồng thời cũng thể hiện rõ quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ đất nông nghiệp.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị UBND tỉnh, các Sở, Ngành có chính sách đầu tư thoả đáng tạo điều kiện phát huy tiềm năng nội lực, tranh thủ nguồn đầu tư từ bên ngoài nhằm thực hiện tốt phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 nói chung, sự chuyển dịch cơ cấu các loại đất nói riêng theo quan điểm sử dụng đất đầy đủ, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra và ngày càng nâng cao đời sống nhân dân.

2. Đề nghị tỉnh quan tâm, hỗ trợ huyện trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực nhằm tăng cường thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi trong các hoạt động sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**HỆ THỐNG BIỂU, MẪU
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐẾN NĂM 2020 HUYỆN MỸ Hào, TỈNH HƯNG YÊN**

**(Kèm theo Thông tư 29/2014/TT - BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn lập, điều chỉnh
quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)**

PHỤ LỤC